

# PHẬT TỔ LỊCH ĐẠI THÔNG TÀI

## QUYỂN 8

### 1. Tống Văn Đế: (Canh Thân)

Họ Lưu, đóng đô ở Kiến khương.

Lôi Thị nói: Cao, Thiệu, Văn, Vũ, Tiền, Minh, Hậu, Thuận, triều Tống gồm tám đời vua trị vì cả thảy sáu mươi năm.

Cao tổ Vũ Hoàng đế: Tên là Dụ, tự là Đức Dư. Thuở nhỏ có tên tự là Ký Nô, người ở làng Tuy Dư, huyện Bành Thành. Ông là em của Hán Cao, là cháu hai mươi đời của Sở Nguyên Vương Giao. Bành Thành vốn là kinh đô nước Sở, nên con cháu họ đều ở đây. Hoàng đế làm quan dưới đời nhà Tần giữ chức Thái úy. Ông vốn là người tài giỏi, mưu lược, mà lại thanh cao ít ham muốn. Nhà Tần dời về phía Đông, họ Lưu di cư sang Tấn Lăng, ông nhận ngôi từ nhà Tấn, trùng kiến lại Khương cung. Ông mất ở Tây điện, an táng ở Tửng sơn thuộc huyện Kiến Khương, ban đầu an táng ở Ninh lăng. Ông thọ sáu mươi bảy tuổi, trị vì được ba năm.

Tây Tần: Đổi niên hiệu là Kiến Hoàng.

Tây Lương: Quan Quân Tuân đổi niên hiệu là Vĩnh Kiến.

Nhâm Tuất: Tháng tư, Hoàng đế băng hà.

Quý Hợi: Doanh Dương Vương Nghĩa Phù, đổi niên hiệu là Cảnh Bình. Phù thuở nhỏ có tự là Xa Bình, là con trưởng của Vũ Đế. Do hành động của ông ngang ngược nên bị Hoàng thái hậu giáng xuống làm Doanh Dương Vương. Ông mất năm mười chín tuổi, trị vì được một năm.

Giáp Tý năm mười một:

Văn Đế: Tên là Nghĩa Long, thuở nhỏ có tự là Xa Nhi là con thứ ba của Vũ Đế. Ông cao bảy thước năm tấc, vốn là người thông minh nhân hậu, khiêm cung, rất cần mẫn trong chánh sự. Những người làm chánh sự ở Giang tả chưa từng có ai giỏi như ông. Ông bị Trương Siêu giết tại Hợp điện, an táng ở Ninh lăng, thọ bốn mươi bảy tuổi, trị vì được ba mươi năm.

Ngụy Thế Tổ Thái Vũ Đế, tên là Đảo, là con trưởng của Minh

Nguyên, ông lên ngôi đổi niên hiệu là Thi Quang. Ông mất ở cung Vĩnh An, thọ bốn mươi lăm tuổi, trị vì hai mươi chín năm.

Ất Sửu: Hạ: Hách Liên Xương đổi niên hiệu là Thừa Quang. Bắc Yên có người con gái hóa thành con trai. Thôi Hao nước Ngụy tự ví mình với Trương Lương.

### **2. Thần Tăng Bôi Độ: (Canh Dần)**

Nguyên Gia năm thứ ba, Thần tăng Bôi Độ bắt đầu rời khỏi Ký Châu. Ngài trông giống một người điên thoát tục, tay xách mười cái chén bằng gỗ, khi qua sông ngài ngồi trên ấy mà qua, nên người bấy giờ gọi ngài là Bôi Độ (người qua sông bằng chén). Có lần từ Mạnh Tân, ngài cỡi cái chén ấy vượt đến Kim lăng, bấy giờ ngài khoảng bốn mươi tuổi.

Tính tình ngài vui giận bất thường, lúc trời rét căm căm, ngài lại chui vào hố tuyết mà tắm, lại có lúc mang guốc trèo lên núi, hoặc đi chân không giữa chợ, trên vai gánh một bó lau. Có lần ngài đến chùa Diên hiền, Sa-môn Pháp Ý đón tiếp ngài rất niềm nở, kính cẩn. Có lúc bỗng nhiên ngài vứt hết đồ đạc bỏ chạy đuổi theo thuyền để đi nhờ, chủ thuyền không cho đi, ngài bèn cỡi chén qua sông.

Trong thôn Quảng Lăng có người họ Lý đang cúng trai phạn ngài liền đi vào, vứt bó lau trước sân rồi lên thẳng trai đường ngồi, mọi người trở mắt nhìn, nhưng ngài vẫn thản nhiên như không. Trong pháp hội có kẻ nổi giận, thấy bó lau nằm chướng mắt giữa đường đi bèn xách qua chỗ khác, nhưng dùng hết sức người mà chẳng nhấc lên nổi. Ăn cơm xong ngài xách bó lau đi và cười gọi: Tứ Thiên vương! Lúc ấy có đứa trẻ lén nhìn, thấy trong bó lau có bốn hài nhi cao chừng hơn một tấc, mặt mày vô cùng khôi ngô tuấn tú, bèn chạy đến tìm thì chẳng thấy đâu cả.

Trong lúc sinh tồn ngài hiển bày dấu tích như vậy, đến sau khi mất, có người vẫn thường thấy ngài.

Mậu Thìn: Tây Tân: Mộ Mạt đổi niên hiệu là Vĩnh Hoàng đến năm thứ hai bị Hạ diệt vong.

Hạ: Hách Liên Định lên ngôi được hai năm đổi niên hiệu là Thắng Quang, năm sau bị Ngụy tiêu diệt.

Bắc Lương: Đổi niên hiệu là Thừa Huyền, Ngụy đổi niên hiệu là Thần Gia.

### **3. Cầu-na Bạt-đà-la: (Kỷ Ty)**

Tôn giả Cầu-na Bạt-đà-la người Thiên Trúc đến Kim lăng, Văn Đế nghe ngài đến liền sai sứ ra tận biên giới đón. Bạt-đà là người có thần thái thanh tao, Văn Đế nhìn thấy vô cùng mừng rỡ, liền ban chiếu chỉ thỉnh ngài ở tại chùa Kỳ hoàn. Vua nhiều lần thỉnh ngài vào cung cúng dường. Thời bấy giờ những người như: Bộc xạ Hà Thượng Chi, Vương Nghĩa Khương ở Bành Thành, Vương Nghĩa Tuyên ở Nam tiều đều thờ ngài làm thầy, thỉnh ngài giảng Hoa Nghiêm. Do chưa thông Hán ngữ, nên ngài cầu Quan Âm Bồ-tát gia hộ cho ngài tăng trí lực, ban đêm ngài nằm mộng thấy thần lực sĩ đến thay đầu mình, sáng ra thấy cổ vẫn còn đau buốt. Từ đó ngài thông thạo Hán ngữ, liền thăng tòa giảng kinh. Do ngài là người diệu ngộ tông chỉ Đại thừa, nên người đương thời gọi ngài là Ma-ha-diễn (Đại thừa).

Tân Mùi: Bắc Lương đổi niên hiệu là Nghĩa Hòa.

Bắc Yên: Phùng Hoàng đổi niên hiệu là Đại Hưng. (Hoàng là em của Bạt, giết con của Bạt là Dực rồi tiếm ngôi được bảy năm).

Nhâm Thân: Ngụy đổi niên hiệu là Diên Hòa.

#### **4. Vua xa giá đến chùa Đại Trang Nghiêm:**

Năm thứ chín, Văn Đế xa giá đến chùa Đại Trang Nghiêm thiết đại hội. Vua cùng ngôi trong pháp hội với Tứ chúng. Đến khi thọ thực, đại chúng nghi là đã quá Ngọ nên không ai dám cầm đũa. Vua nói: Mặt trời chỉ mới vừa đúng Ngọ thôi! Trong chúng Pháp sư Đạo Sinh liền đứng dậy nói: Mặt trời sáng rực trên không, bây giờ mới đúng Ngọ, sao lại bảo là quá Ngọ được!

Nói xong Đạo Sinh bưng cơm ăn, đại chúng đồng loạt làm theo ngài. Vua thấy vậy vô cùng vui mừng bèn xuống chiếu giữ ngài lại trong kinh đô. Đương thời những người như Cự Công, Vương Hoàng, Phạm thái, Nhan Diên đều hân hoan kết bạn với ngài.

Khi gặp những đoạn kinh văn chưa thể đạt diệu chỉ của chư Phật, mà người học lại hay cố chấp những điều thấy nghe của mình, nhân đó ngài trước tác luận như Thiện Bất Báo Luận, Đốn Ngộ Thành Phật Luận, Nhị Đế Luận, Phật Tánh Hữu Thường Luận, Pháp Thân Vô Sắc Luận, Phật Vô Tịnh Độ Luận, Ứng Hữu Duyên Luận. Nội dung những bộ luận ấy là nêu bày những chủ thuyết cũ, phát huy diệu lý sâu xa của nó, nghĩa lý sáng rõ chẳng khác trời trăng.

Tháng giêng năm sau, ngài thăng tòa thuyết pháp. Ngôn từ ngài diễn nói vô cùng thanh tao dễ hiểu, người nghe thấy đều tỏ ngộ, vui mừng. Ngay lúc ấy, bỗng nhiên cát bụi nổi lên mịt mù, ngài rời pháp

tòa ẩn mình mà thị tịch.

Quý Dậu: Bắc Lương: Mục Kiên con của Mông Tồn, làm vua được sáu năm đổi niên hiệu là Vĩnh Hòa.

### **5. Tạ Linh Vận làm phản:**

Trong năm này, Tạ Linh Vận tạo phản bị chém và bêu đầu ở chợ. Hồi ấy Tạ Linh Vận nổi tiếng như Nhan Diên Chi, văn phong của ông súc tích tao nhã hơn cả Nhan Diên Chi nhưng tính thâm thúy thì không bằng ông ấy. Ông được tập phong là Khương Lạc hầu. Ở Cối kê, ông cùng ẩn sĩ Vương Hoàng Chi, Khổng Thuần Chi phóng túng vui chơi. Bấy giờ Thái thú Mạnh Khải là người phụng Phật rất tinh tấn, thường bị Linh Vận xem thường. Có lần Linh Vận nói với Khải: “Muốn đắc đạo thì phải tu tuệ, những văn nhân sinh Thiên sẽ sinh trước Linh Vận này, còn thành Phật tất sau ta”.

Khải nghe vậy trong lòng căm tức vô cùng. Đến khi Khải được vào triều làm quan, còn ông nhiều lần bị chèn ép, chẳng được trọng dụng trong triều mà chỉ làm nội sử ở Lâm Xuyên. Trong quận, ông đi lại trái phép nên bị quan Hữu ty khiển trách. Bấy giờ quan Tư đồ sai từng sự tùy châu là Trịnh Vọng Sinh đến bắt ông, Linh Vận bèn khởi binh tạo phản, nhưng kết quả không thành, bị Vọng Sinh đuổi theo bắt sống đưa về Đình úy. Văn Đế mến mộ tài năng của ông nên giảm cho tội chết, đày đi Quảng châu. Nhưng về sau ông lại tạo phản, Văn Đế ra lệnh chém bêu đầu ở chợ. Bấy giờ ông mới bốn mươi chín tuổi.

### **6. Tam tạng Cầu-na-bạt-ma: (Giáp Tuất)**

Năm thứ mười một, Tam tạng Cầu-na-bạt-ma người Thiên Trúc nhường ngôi xuất gia. Ngài thấu đạt bốn bộ A-hàm, tinh thông Tam tạng, đọc thuộc lòng đến mấy trăm vạn lời. Vương Tôn trong nước đều theo ngài thọ học và thọ Tam quy Ngũ giới. Ngài thường bảo Vương Tôn rằng: Đạo nằm trong sự tinh thông, gặp duyên thì liền ứng hiện, các ông nên nương tựa trong tâm từ bi, chớ khởi tâm xấu ác.

Quốc vương nước Du-xà-bà muốn xuất gia, theo thờ ngài Bạt-ma, quần thần hết lời van xin vua nhưng không được. Vua bảo người trong nước: Nếu ai dẫn dắt muôn dân trong nước theo Đại Hòa thượng thọ Tam quy Ngũ giới, không cho họ sát hại, cứu giúp kẻ nghèo túng, thì ta chịu nghe theo lời thỉnh cầu của các ông! Thế là quần thần, nhân dân đều cúi lạy tuân theo lệnh vua.

Bấy giờ danh tiếng của ngài vang khắp triều đình, Sa-môn Tuệ

Quán... thưa với Văn Đế, xin cho sứ đi đón ngài, Văn Đế liền xuống chiếu cho thứ sử Giao Châu sắm thuyền đi đón, Sa-môn Đạo Sung... lên thuyền ra biển đón ngài. khi Xung đến ngài vui vẻ cặp thuyền vào rồi hai người cùng về. Vua lại xuống chiếu cho sứ giả đánh xe đưa ngài về cung. Đạo Phật từ đó bắt đầu hưng thịnh.

Ngài thích phong cảnh núi non ở đây, cho rằng chẳng khác Linh Thứu, nên ngài ở lại đúng một năm. Trong chùa có điện Bảo Nguyệt, Bạt-ma vẽ tượng Định Quang Nho đồng trái tóc ở vách phía Đông, trông đẹp cực kỳ. Ban đêm bức tượng ấy bỗng phát sáng.

Có lần ngài nhập định rất lâu, Tăng trong chùa sai ông Sa-di đứng chờ ngài xuất định. Sa-di bỗng thấy có con sư tử trắng cứ trèo lên cây cột nhà mà giỡn, lại thấy trên không toàn là hoa sen xanh. Sa-di thất kinh bỏ chạy la toáng lên, Tăng chúng trong chùa chen nhau đến xem, thì thấy chẳng có gì cả.

Ngài đến Kim Lăng đàm đạo với Văn Đế, Văn Đế đón rước ngài vô cùng trọng thể, nhân đó vua hỏi ngài: Mỗi lần Quả nhân muốn trì trai, nhưng thân thường trở ngại không thỏa được chí nguyện. Pháp sư từ xa đến đây là điều may mắn của tộ bang, chẳng biết Pháp sư có điều gì chỉ dạy Quả nhân chăng!

Ngài đáp: Đạo ở nơi tâm chứ không nằm nơi việc làm, pháp do chính mình chứ không phải do người khác. Vả lại cách tu của Đế Vương không giống kẻ thất phu. Kẻ thất phu thân mọn danh hèn, lời nói không có uy đức, giả sử họ không khắc khổ hành trì, thì làm sao dùng được! Như Đế vương lấy bốn biển làm nhà, coi muôn dân như con, phát ngôn một lời tốt đẹp thì quan dân đều vui mừng, ban bố một việc tốt thì cả nước đều an vui, dùng hình mà không lấy mạng sống của họ, sai dịch mà không quá sức họ, thì mưa thuận gió hòa, lạnh nóng đúng thời, lúa thóc được mùa, dâu tằm xanh tốt. Cứ như thế mà trì trai, không giết hại sinh linh đã là một việc lợi ích to lớn, nếu trong một bữa ăn bảo toàn được một mạng sống của chúng sinh, rồi sau dần dần cứu tế khắp cả cũng đâu có gì khó!

Văn Đế nghe xong, vỗ ghế khen rằng: Kẻ thế tục mê diệu lý sâu xa, chúng Tăng bị ngưng trệ trong giáo điều trước mắt, còn những lời luận bàn của Pháp sư, thực đáng cùng với trời, người nghị luận.

Vua xuống chiếu mời ngài ở chùa Kỳ Hoàn giảng kinh Pháp Hoa. Mỗi ngày vua dẫn công khanh trong triều đến dưới pháp tòa nghe giảng. Pháp hội hưng thịnh như thế này trước đây chưa từng nghe đến. Tại chùa Kỳ Hoàn, ngài dịch Bồ-tát Thiện Giới Kinh... gồm mười tám quyển.

Năm Ất Hợi: Ngụy đổi niên hiệu là Thái Diên.

**7. Kinh Doãn Tiêu Mô Chi xin vua dựng chùa đúc tượng:**

Năm thứ mười hai Kinh Doãn Tiêu Mô Chi xin vua dựng chùa đúc tượng. Vua đem việc này hỏi Thị trung Hà Thượng Chi, sử bộ Dương Huyền Bảo rằng: Thuở nhỏ Trẫm đọc kinh không nhiều, ngày nay lại vô cùng bận bịu, những việc nhân quả Trẫm còn mù mờ chưa thông suốt, vì thế mà chẳng dám lập dị, Trẫm nay xin được kính tin những lời hay đẹp của các khanh.

Khi ấy, Phạm Thái, Tạ Linh Vận đều nói: Pháp độ của Lục kinh chủ yếu là cứu đời, như muốn cầu được diệu đạo thì phải lấy kinh Phật làm kim chỉ nam. Bệ hạ hãy xem Nhan Diên Chi phân tích Đạt Tánh Luận, Tông Bích vấn nạn Bạch Hắc Luận, chủ thuyết của hai ông ấy bao la, sáng rõ, chí lý đáng được kính tin.

Vua nói: Nếu làm cho muôn dân trong nước đều thuần theo sự giáo hóa này, thì Trẫm đã ngồi cao an hưởng thái bình rồi, đâu còn việc gì làm nữa! Hôm qua Tiêu Mô Chi thỉnh chế, nay ta đem bàn bạc với các khanh, ủy thác cho các khanh lo liệu, các khanh tất phải đề phòng, ngăn chặn những kẻ lợi dụng, đừng để tổn hại đến công lớn, hãy cứ thế mà làm!

Thượng Chi thưa: Những kẻ thế tục đồ kỵ nghe pháp Phật chẳng kính tin, thần là kẻ ngu muội một mình dốc sức quả thật thần sợ rằng có điều khiếm khuyết với Hoàng thượng, làm điểm nhục đại pháp. Nay Hoàng thượng lại nói mong được tưởng thưởng, thần nghĩ đi nghĩ lại cảm thấy hổ thẹn vô cùng. Thế nhưng những bậc anh tài hào kiệt trước nay chưa từng cô phụ chiếu chỉ nhà vua. Từ khi vượt sông qua lập nghiệp đến nay, những người như: Vương Tuân, Chu Nghĩ, Dữu Lượng, Vương Mông, Tạ An, Khích Siêu, Vương Thản Chi, Vương Cung, Vương Mật, Quách Văn, Tạ Thượng, Đới Lục, Hứa Tuân, cho đến những anh em mất tổ như Vương Nguyên, Lâm Côn Quý, Phạm Uông, Tôn Xước, Trương Huyền, Ân Khải có người làm quan đến chức tổ phụ, có người nổi danh ở đời, có người đặt mình trong cõi trời, cõi người, có người nêu cao dấu tích như mây trời ửng đỏ, nhưng họ đều hồi tâm quy y. Những người ấy chẳng khác nào như hoa lan thoảng nở, mối đạo sâu xa họ đều thông suốt, mà dấu tích cận kề Thánh nhân cũng rõ ràng không kém. Hoặc có người mà người thường không sao lường biết nổi. Còn như đạo tục trong những thời gần đây thì có thể so sánh nhau thì hiểu được. Nếu kể ra hết thì Di, Hạ, Hán, Ngụy, anh tài hào kiệt nối nhau xuất thế,

những người ấy không làm sao nêu ra hết được.

Ngài Tuệ Viễn nói: Đức Phật Thích-ca giáo hóa, không ai mà chẳng giáo hóa được. Đến với đạo bắt nguồn từ giáo lý mà việc giáo hóa quần sinh cũng là việc làm cần thiết, thần trộm nghĩ, lời nói ấy quả khế hợp thật lý. Vì sao vậy? Bởi vì trong làng có trăm nhà, mười người giữ Năm giới thì mười người ấy là những người thuần lương. Trong ấp có ngàn nhà, trăm người tu Thập thiện, thì họ là những người hòa kính hiếu thuận. Nếu đem lẽ lối ấy truyền dạy khắp nơi, thì ức ngàn nhà sẽ có trăm vạn người có nhân đức. Hễ làm một việc lành tức bỏ đi một việc ác. Bỏ một việc ác tức dứt bỏ được một hình phạt. Một nhà dứt được một hình phạt thì cả nước sẽ dứt được mười ngàn hình phạt. Đó là điều mà Hoàng thượng gọi là ngôi yên mà khiến thiên hạ thái bình là thế.

Thế nên ngài Đồ Trưng đến Triệu thì hai vua họ Thạch kia giảm bớt tánh hung bạo. Tháp linh phóng hào quang thì Phù Kiện mất đi tâm bạo ngược. Đạo mầu giáo hóa có thể thấy rõ ràng trước mắt. Mô Chi kính xin Hoàng thượng không hẳn là hoàn toàn sai quấy, chỉ vì những đạo tục làm tổn hại quốc khố vốn là những Tăng ni không có đạo hạnh, nhưng thật giả cũng khó phân, lấy hay bỏ cũng không phải dễ. Còn như gỗ, đá công cán dù tổn hao như vậy, nhưng việc trồng phước báo ân cũng không thể đoạn tuyệt ngay được. Thần mãi suy đi tính lại, tiến thoái lưỡng nan, hôm nay đối trước Hoàng thượng, được Hoàng thượng ân chuẩn, thần cảm tạ vô cùng.

Dương Huyền Bảo bước lên thưa: Những lời luận bàn ấy đúng là vượt xa cái học của trời, người, chẳng phải là điều mà ngu thần này can dự, nhưng thần e rằng cái thuật luận về binh hùng của Tần, Sở, cái kế thôn tính hết giang sơn của Tôn, Ngô đều không có ở đây.

Vua nói: Quả đúng như khanh nói, ở đây chẳng phải là binh khí giao chiến!

Thượng Chi liền thưa: Hễ lễ ẩn dật thì chiến sĩ cũng không còn, quý nhân đức thì binh khí cũng mất. Nếu cứ ưa chuộng cái chí như Tôn, Ngô động binh thôn tính thì tất đâu có được cái đạo của Nghiêu, Thuấn, chứ có riêng gì giáo lý họ Thích thôi đâu!

Vua rất hài lòng, nói với Thượng Chi: Họ Thích mà có khanh chẳng khác nào họ Khổng có được Quý Lộ!

Từ đó vua để tâm nghiên cứu giáo lý Phật đạo, trợ giúp cho việc hoằng hóa. Đến khi Nhan Diên Chi trước tác Ly Thức Luận và cách thức viết luận, vua liền ban chiếu mời Pháp sư Tuệ Nghiêm biện biệt

những điểm dị đồng. Vua tôi cùng thù tạc cả ngày, vua cười nói: Các khanh quả không thẹn với Chi, Hứa!

### **8. Vua xa giá đến Khúc Thủy: (Canh Tý)**

Văn Đế xa giá đến Khúc Thủy, công khanh đều nhóm họp, vua ban lệnh cho họ làm thơ phú. Ngài Tuệ Quán làm xong trước dâng cho vua xem. Trong bài thơ có nhiều âm vận đặc biệt xuất chúng, vua vô cùng vui mừng đưa cho bá quan xem, ai nấy đều khâm phục tài năng của ngài. Có lần Tuệ Quán, Tuệ Nghiêm, Tạ Linh Vận... cùng san định kinh Niết-bàn, do có thêm bớt một vài từ trong kinh, đêm mộng thấy thần nhân đến quở trách rằng: “Người dám đem cái thấy biết phạm tình xem thường, chỉnh sửa giáo huấn của Thánh nhân ư!” Tuệ Quán... thất kinh bèn thôi không sửa nữa.

### **9. Tuệ Lâm phỉ báng Phật giáo bị quả báo:**

Bấy giờ có Tăng Tuệ Lâm cậy tài hiểu biết của mình thường cùng vua giải quyết việc triều chánh, nên đương thời Lâm có hiệu là Hắc Y Tế Tướng. Trong dinh thường có xe lọng, Lâm chẳng bao giờ đi bộ, thường tỏ ra kiêu mạn, gặp bọn công khanh mới chịu hàn huyên. Ông trước tác Bạch Hắc Luận nhằm hủy báng Phật giáo, nên ngay hiện đời mắc phải quả báo, da thịt bị lở loét khắp, qua năm sau thì chết.

**Luận rằng:** Kể thế trí biện thông thường được người đời hâm mộ, tôn vinh cho là người anh tài, nhưng với Phật thì người này là một trong tám nạn. Vì sao vậy? Bởi vì như Linh Vận cậy tài ngạo đời, tạo phản rồi bị tru di; như Tuệ Lâm bỏ hình tướng xuất gia cùng y Tăng-già-lê rồi can dự triều chính, việc làm ấy đã không đúng chánh pháp, lại cứ vin theo rồi hủy báng Phật, nên liền bị ác báo rồi chết. Than ôi! Tài trí thế gian rốt cuộc thành nạn, rõ như ban ngày! Như Tuệ Quán, Tuệ Nghiêm vọng dùng phạm tình coi thường chỉnh sửa Thánh điển, giả sử họ không gặp thần nhân quở trách, thì cái nạn thế trí cũng khó lòng tránh được. Bao la thay! Những lời mà Bạt-ma, Thượng Chi ứng đối với vua, có thể nói là tôn chỉ xuyên suốt tận cùng đại thể, mà sự hiểu biết vô cùng thấu đáo tinh vi. Những lời ấy đáng là mực thước cho thiên hạ.

### **10. Vua xuống chiếu thỉnh Pháp Viên trụ trì chùa Thiên Bảo:**

Trong năm này Văn Đế ban chiếu tìm những Sa-môn có khả năng thuật lại nghĩa lý đốn ngộ của Pháp sư Đạo Sinh. Thứ sử Dữu Đẳng Chi cho rằng Thích Pháp Viên trước đây từng được nghe giảng, bèn triệu



Pháp Viên đến thưa hỏi, Pháp Viên ứng đối biện giải vô cùng tinh thông rõ ràng. Hà Thượng Chi liền khen: Ôi! Sinh Công đã mất, những lời mật diệu của ông ấy cũng chẳng còn, nay lại được nghe những lời luận bàn mầu nhiệm này, đó gọi là trời không nỡ chôn vùi tài năng của ông ấy vậy.

Không bao lâu, chùa Thiên Bảo xây dựng hoàn thành, vua ban chiếu mời Pháp Viên trụ trì. Có lần Vương Cảnh Văn đến thăm, gặp lúc ngài đang giảng, Văn buộc miệng khen: Những điều ông ấy diễn thuyết ta chưa từng được nghe, những điều ông ấy nêu bày đều vượt ngoài kiến giải phàm tình, thật là bậc Long tượng trong Phật pháp.

Sau đó, chùa Tương Cung cũng xây dựng hoàn tất, vua lại mời ngài sang ở bên đó, vua thường xa giá đến đây nghe pháp. Phật pháp lúc này vô cùng hưng thịnh.

Canh Thìn: Ngụy Thái Vũ tên là Đảo lên ngôi, ông đổi niên hiệu là Thái Bình Chân Quân.

Nhâm Ngọ: Chân Quân năm thứ ba, vua Ngụy đến đàn tràng của Đạo giáo nhận Phù Lục.

### ***11. Thôi Hạo đem pha Thái Tử và Tăng Huyền Cao:***

Giáp Thân: Trong năm này, Bắc Ngụy Thái Vũ bình định Trung nguyên, các nước ở Giang bắc đều quy phục. Khi ấy Khấu Khiêm Chi dựa thế Thôi Hạo làm Thiên sư, nên vua đổi niên hiệu là Chân Quân. Từ đó đến năm năm sau, Thôi Hạo tin thuật của họ Khấu, càng oán ghét họ Thích vô cùng. Khi ấy Thái tử Hoãn thờ Pháp sư Huyền Cao làm thầy, Thôi Hạo đổ kỵ thái tử nên gièm pha với Thái Vũ, Vũ nghi ngờ thái tử nên ra lệnh bắt giam trong ngục tối đến chết mới thôi. Hoan bèn khẩn cầu ngài Huyền Cao. Ngài bèn soạn Kim Quang Minh Sám. Lúc đó Thái Vũ nằm mộng thấy tiên tổ về quở rằng: “Ông không nên nghe theo lời gièm pha mà nghi ngờ thái tử!”

Tỉnh dậy, Thái Vũ đem giấc mộng nói với quần thần, quần thần đều cho là đúng, nên thái tử được miễn tội, vua đối xử như thường. Nhưng khi ấy Thôi Hạo sợ thái tử sẽ là điều bất lợi cho mình trong tương lai, nên thưa với Thái Vũ rằng: Trước đây thật sự thái tử không có âm mưu, nhưng kết giao với Huyền Cao dùng thuật triệu tiên để để làm cho bệ hạ sợ. Nếu không giết sớm đi, tất là mối họa lớn sau này!

Thái Vũ nghe xong dùng dùi đâm, liền bắt Huyền Cao và Tuệ Sùng đem giết. Đệ tử của ngài là Huyền Sướng đang ở Vân Trung nghe ngài bị hại, liền tức tốc vượt sáu trăm dặm trong một ngày, đến

thành Ngụy gào khóc nói: Hòa thượng là bậc Thần lực, nay xin hãy vì con mà tỉnh lại! Bấy giờ ngài mở mắt và nói: Đại pháp ứng hóa tùy duyên mà thịnh suy, thịnh suy là do dấu tích hoằng hóa, nhưng đạo lý vẫn thường hằng như vậy. Chỉ tiếc rằng các ông sẽ làm như ta, hoặc sợ rằng còn hơn ta nữa! Riêng Huyền Sướng hãy đi về phía Nam. Sau khi các ông chết, giáo pháp sẽ hưng thịnh trở lại. Các ông phải khéo tu tâm chớ để sau này phải hối hận, nói xong ngài mất.

Bấy giờ Sa-môn Pháp Tiến khóc lóc kêu gào rằng: Thánh nhân bỏ đời, ta còn sống làm gì nữa! Nói xong bỗng thấy Huyền Cao ở trong mây, Tiến đánh lễ khẩn cầu, Huyền cao nói: Ta chẳng quên tất cả, lẽ đâu lại bỏ ông ư! Tiến hỏi: Đại Hòa thượng và Sùng Công sẽ sinh ở đâu? Huyền Cao đáp: Ta sẽ vào nơi hiểm ác để cứu hộ chúng sinh, còn Tuệ Sùng đã về An dưỡng rồi! Nói xong chẳng còn thấy ngài đâu cả.

### ***12. Thời Ngụy, Khấu Khiêm Chi tu theo thuật của Trương Lỗ:***

Vào thời Thế Tổ, Đạo sĩ Khấu Khiêm Chi tự là Phụ Chân người Ung Châu, từ lâu thích đạo tiên, tu theo thuật của Trương Lỗ, đã ăn cháo uống thuốc nhiều năm nhưng không có hiệu nghiệm. Bấy giờ, có Tiên nhân Thành Công Hưng xin làm đệ tử của Khiêm Chi, hai người dẫn nhau vào ở trong động đá ở Hoa sơn. Hưng đi hái thuốc về cho Khiêm Chi uống, thuốc ấy có thể làm cho người ta không thấy đói. Hai người lại cùng vào động đá ở Tung sơn. Khi ấy bỗng có một Dị nhân hái thuốc đưa Khiêm Chi uống, nhưng thuốc ấy đều là trùng độc hôi thối. Khiêm Chi thấy thế hoảng sợ bỏ chạy. Hưng than: Ôi! Tiên sinh chưa phải là Tiên, chỉ đáng làm thầy của Đế Vương mà thôi!

Không bao lâu, Thành Công Hưng bỏ đi mất, Khiêm Chi thủ chí ở lại Tung sơn. Một hôm Khiêm Chi bỗng gặp một đại thần cõi rồng đạp mây, dẫn theo cả trăm linh nhân bay đến tụ tập trên đỉnh núi. Đại thần tự xưng là Thái Thượng Lão Quân và nói với Khiêm Chi rằng: Từ khi Tiên sư Trương Lăng mất đến nay, địa giới có nhiều kẻ làm quan, người là người xăm hình trên thân đúng phép, nên ta truyền ngôi vị Thiên sư và ban cho người bộ Vân Trung Tân Khoa gồm hai mươi quyển. Từ khi có đạo đến nay, ta chưa truyền cho đời, người nên tuyên Dương bộ Tân Khoa của ta nhằm thanh chính lại đạo giáo, trừ bỏ những phép tắc đối trá của bọn Tam Trương, như thuốc lúa, thuốc tiền và Thuật Nam Tử Hợp Khí. Đạo lớn trong sạch lẽ đâu lại có những việc như vậy sao! Bản thân người phải lấy lễ độ làm đầu, thêm vào đó là việc ăn uống, đóng cửa tu luyện. Rồi Đại thần sai mười hai ngọc nữ đến núi Cửu nghi trao cho

Khiêm Chi khẩu quyết. Thế là Khiêm Chi học được thuật Tịch Cốc, nên khí lực dồi dào, nhan sắc sáng đẹp.

### **13. Ngụy Thái Vũ Xuống Chiêu giết Sa-môn:** (Bính Tuất).

Nguyên Gia năm thứ hai mươi ba, tháng ba Ngụy Thái Vũ Tây chinh thảo phạt Trường An. Vũ cùng Thôi Hạo đều tin và kính trọng Khẩu Khiêm Chi, cùng sùng tín đạo của ông ta. Riêng Hạo rất đố kỵ Phật giáo. Mỗi lần tâu với Ngụy chủ, ông đều cho Phật pháp hư dối, là mối tổn hại cho đời, nên diệt trừ đi.

Đến khi Ngụy chủ đánh Cái Ngô, tiến đến Trường An, Hạo vào chùa Phật, thấy Sa-môn uống rượu như quan, vào nơi ở thì thấy toàn là binh khí. Hạo trở ra thưa với Thái Vũ, Vũ nổi giận quát: “Những thứ ấy đâu phải là vật dụng của Sa-môn, bọn này chắc đồng mưu với Cái Ngô muốn làm loạn đây! Quát xong,” Vũ sai quan Hữu ty tra xét và giết hết cả chùa. Khi kiểm tra tài sản thì thấy toàn vật dụng nấu rượu và những vật quý hiếm của những quan lại trong châu quận đã lấy từ những nhà giàu gửi vào, số ấy có đến vạn món, ngoài ra còn đào nhà để giấu phụ nữ. Nhân đó, Hạo nói với Thái Vũ: “Nên giết tất cả bọn Sa-môn trong thiên hạ, cùng hủy đốt hết kinh tượng”. Thái Vũ liền nghe theo. Khẩu Khiêm Chi hết lời can gián cho rằng không nên, nhưng Hạo chẳng nghe.

Đầu tiên bọn họ giết sạch Sa-môn ở Trường An và hủy đốt hết kinh tượng. Quay về cung, lại ra lệnh khắp trong nước đều phải làm như hình pháp ở Trường An. Thái Vũ hạ chiếu rằng: Xưa, vua chúa trong thời Hậu Hán tin theo những bọn tà ngụy, lừa dối mà làm loạn cả phép thường, từ xưa trong chín châu chưa từng có việc ấy. Láo khoét khoác lác là điều vốn không hợp tình người. Thời của Thúc, Quý, bọn họ đều mù cả, thế nên không dùng chánh sự để giáo hóa, lễ nghi đều bại hoại, khắp trong nước tâng bốc bọn Sa-môn cao như gò đồi. Nay, Trẫm kế thừa mệnh trời muốn trừ bỏ tà ngụy, định lại cho thẳng ngay, khôi phục lại nền chánh trị như thời Phục Hy, Thần Nông, tất cả những dấu tích còn lại đều phải trừ khử sạch. Từ nay về sau, nhà nào còn dám thờ Thần nước Hồ (Phật) cùng đúc tượng dù bằng đất, bằng đồng đều bị giết. Từ Vương Công trở xuống, nhà nào còn cấp dưỡng cho Sa-môn gia hạn cho đến ngày mười lăm tháng ba năm này, nếu quá hạn bị chém đầu. Quan Hữu ty bảo với tướng quân Chinh trấn, Thứ sử, phải đốt phá tất cả tượng và kinh của Phật giáo. Sa-môn bất kể lớn nhỏ đều đem chôn sống hết. Thái tử trước đây vốn ưa Phật pháp, nhiều lần can nhưng không nghe,

nay phải bắt nhất. Nay ta hạ chiếu để trong nước nghe biết trước, mỗi người phải tự lo liệu phận sự của mình. Những Sa-môn nào trốn mất thì tha chết, chỉ thu lấy kinh tượng. Riêng tháp miếu trong địa phận đất Ngụy đều phải đập phá sạch.

#### **14. Ngụy Thái Vũ nhận phù lục cho xây Tịnh luân cung:**

Chân Quân năm thứ chín, Thiên Sư họ Khấu khuyên Thái Vũ cho xây Tịnh Luân Thiên cung ở phía Đông nam kinh đô. Họ Khấu tâu rằng: “Bệ hạ nhờ có Chân Quân ngự thế, mở mang những điều mà từ xưa chưa từng có. Bệ hạ nên nhận phù mệnh”. Thái Vũ cho là đúng, bèn nhận phù lục, cho xây Tịnh Luân Thiên cung cao đến chọc trời, đến nỗi không còn nghe tiếng gà gáy, chó sủa, vì ông ta cho rằng xây cao như vậy để giao tiếp với thiên thần. Việc xây cất tốn hao tiền của, sức người không biết bao nhiêu mà kể. Xây hết một năm mà vẫn chưa xong, cũng trong lúc ấy Khấu Khiêm Chi bị bệnh mà chết, công việc xây cất đành dừng lại.

#### **15. Thôi Hạo bị tru di: (Canh Dân)**

Chân Quân năm thứ mười một. Thôi Hạo có lần thấy vợ là Quách Thị đọc kinh Kim Cang, liền giắt lấy đem đốt hoặc vất vào nhà xí. Ban đầu Thôi Hạo làm quan tư đồ dưới triều Ngụy, nhờ tài thao lược, được vua sủng ái, nên chuyên đảm trách quyền hành trong triều. Thái Vũ cho Hạo làm chức giám bí thư. Trong bè đảng của Hạo, có kẻ quá đề cao Hạo, nên khuyên Hạo soạn quốc sử, khắc trên đá để nêu tỏ sự thật, Hạo liền nghe theo. Thế rồi bia đá được dựng ở Giao đàn, người qua kẻ lại đều cho là hay, nhưng người phương Bắc không ai mà chẳng oán hận, bèn gièm pha với Thái Vũ, cho rằng làm như vậy là phơi bày cái xấu xa của đất nước. Thái Vũ nổi giận sai quan Hữu ty kết tội Hạo. Hạo sợ khiếp vía đến nỗi tâm thần bấn loạn nói không ra lời. Vua liền bắt Hạo nhốt trong cũi xe đặt ở ven đường phía Nam thành, sai bọn vệ sĩ cùng người đi đường tiểu vào mặt Hạo. Tiếng la hét náo loạn khắp các nẻo đường. Hạo than: “Đây là quả báo của việc vất kinh, tiểu trên tượng do ta gây nên!”

Hạo bị lăng trì mà chết, bấy giờ Hạo đã bảy mươi tuổi. Hai nhà Thôi, Khấu bị tru di năm tộc, cùng một trăm hai mươi người khác gồm quan lại và bè đảng của họ. Khi còn sống, Hạo khuyên Ngụy chủ trừ khử họ Thích cùng đốt kinh hủy tượng, có lần đi trên đường, thấy bức tượng bị vứt ven đường, Hạo liền xuống xe tiểu trên tượng rồi mới đi.

Đến khi dòng họ bị tru di, thầy Hạo chẳng ai nhật cả. Do gây oán với muôn dân, nên lúc bấy giờ dân chúng chen nhau đến tiểu trên thầy Hạo, đến lúc thân thể nát nhừ mới thôi.

**Luận rằng:** Thôi Hạo là kẻ bất tài, việc này Tư Mã Ôn có luận rất rõ. Đại loại là: Từ khi họ Thát Bạt dấy nghiệp ở Sa Tái, lúc còn chưa đời đô, bảm tính vốn tàn nhẫn vô cùng, thích giết người như thích ăn uống món ngon vật lạ. Dòng họ Thôi Hạo cũng làm y như vậy. Đầu tiên là Thái tử Hoãn bị gièm pha, rồi Huyền Cao cùng đồ chúng của ngài bị giết. Đó cũng đủ thấy họ là những kẻ vô tội rồi! Đến khi bãi bỏ họ Thích, giết và chôn sống Sa-môn, lẽ đâu đó là thắng đạo ư! Họ Thát Bạt là kẻ cướp hung ác, mà Hạo là kẻ nắm quyền lại cũng dùng hình pháp tàn ác như vậy. Cuối cùng Hạo bị gièm pha, ngôi vị công lao cũng hết là do tội viết sử. Đời Đường sử gia bất quá nêu tỏ những quan thanh cao, phế bỏ những thứ con cháu hoang loạn mà thôi, giả sử có bị giết thì bất quá cũng chỉ một người. Còn như Hạo bị tru di đến năm tộc là sao vậy? Đó là vì gây oán sâu với những kẻ vô tội, thì tự chuốc lấy quả báo vô cùng dày. Đó gọi là mệnh thường của đạo trời không thể thay đổi được là thế. Đến như kinh tượng của họ Thích lẽ đâu làm thương tổn ông ấy chăng? Thế mà mỗi lần gặp, Hạo đều dừng xe, tiểu trên ấy xong rồi mới đi. Thế nhưng chưa kịp quay gót thì thầy của Hạo cũng đã bị người đời tiểu lên cho đến nát nhừ mới thôi!

Than ôi! Hạo chẳng sợ lời Thánh nhân, khinh thường đạo trời nên mới ra nông nổi như thế! Vì vậy trời trả báo cho ông ta ngay trước mắt để răn dạy người đời. Thế mà không răn chữa ư?

Tân Mão: Ngụy đời niên hiệu là Chánh Bình. Thế Tôn đã diệt độ được một ngàn bốn trăm năm.

#### **16. Sa-môn Đàm Thi đến Ngụy cứu Pháp nạn:**

Năm Nguyên Hội đời Ngụy, Sa-môn Đàm Thi chấn tích đến cửa cung. Quan lại tâu với Thái Vũ: “Nên đem chém ngay”. Nhưng đao chém xuống mà ngài chẳng bị thương tổn. Quan lại tâu: “Nên dẫn lên điện để bệ hạ chém”. Bọn họ dẫn ngài lên điện, Thái Vũ rút kiếm đeo bên mình đích thân chém, nhưng cũng chẳng làm ngài bị thương, trái lại kiếm bị mẻ một đường như sợi tơ. Hạo lại sai bắt ngài bỏ vào chuồng cọp, cọp đều sợ hãi nằm bẹp mà chẳng dám nhìn. Bọn tả hữu lại xin Thiên sư vào chuồng cọp để thí nghiệm xem. Cọp thấy Thiên sư liền nhảy đến gầm gừ. Thái Vũ thất kinh bèn mời ngài lên điện, lạy tạ sám hối.

Trong Ngụy thư Phật Lão Chí chép: Sa-môn Tuệ Thủ con nhà họ Trương ở Thanh hà, nghe ngài La-thập dịch kinh liền đến Trường An yết kiến La-thập, lại học Thiền định ở phía Bắc Bạch Cừ. Ban ngày, ngài vào thành nghe giảng, ban đêm về lại trụ xứ tọa thiền. Học giả ở Quan trung ai nấy đều khâm phục ngài. Khi Vũ Đế diệt họ Diêu xong, để con mình là Nghĩa Chân ở lại trấn giữ Trường An, khi Nghĩa Chân bị Hách Liên Khuất Cục đánh bại, bản thân Tuệ Thủ cũng bị gươm đao nhưng chẳng hề hấn gì. Khuất Cục nổi giận triệu Thủ đến dùng kiếm đeo bên mình để tự tay chém, nhưng cũng chẳng làm ngài chết, Cục liền thất kinh lay tạ sám hối. Về sau ngài đến đất Ngụy hoàng hóa. Từ khi ngài tu tập thiền định cho đến lúc mất, trải qua hơn năm mươi năm nhưng chưa từng đặt lưng dính chiếu. Ngài thường đi chân không nhưng chân chẳng dính đất bùn mà trái lại càng thêm sáng đẹp. Vì thế người đương thời gọi ngài là Bạch Túc A Luyện Nhã. Khi ấy Thái Vũ vô cùng kính trọng ngài. Ngài biết trước giờ mất, nên tắm rửa sạch sẽ ngồi kiết già trên giường đồ chúng đứng chật bốn phía, rồi ngài an nhiên thị tịch. Sau khi tịch, mười ngày sau mà sắc diện của ngài vẫn không biến đổi. Hơn mười năm sau đồ chúng cải táng nhưng thi thể của ngài vẫn còn y nguyên, muôn dân đều rất lấy làm lạ. Trong ngày cải táng có đến hơn mười ngàn người đưa tiễn ngài, ai nấy đều mền tiếc khóc thương thảm thiết. Trung Thư Giám Cao Duẩn viết truyện ca ngợi đức độ của ngài.

Trong năm này Ngụy, Thái Vũ bị bệnh ghẻ lở, mất ngày năm tháng hai.

Nhâm Thìn: Ngụy Văn Thành đế, tên là Tuấn, con trưởng của Cảnh Mục Đế. Ban đầu Thái tử Hoãn bị hại, nên lập Ngô vương lên ngôi, đổi niên hiệu là Chánh Bình, nhưng ngày một tháng mười Ngô vương cũng mất, nên lập Thái Tôn lên ngôi. Tuấn là con của Hoãn, ông lên ngôi đổi niên hiệu là Hưng An. Sau khi lên ngôi ông tỏ rõ là một vị vua đức độ thấy đời trước mê lầm bạc ác, nên ông ra sức khôi phục hoàng Dương Thánh đạo. Ông trị vì được mười hai năm, mất ở điện Thái hoa, thọ hai mươi sáu tuổi.

### ***17. Ngụy xuống chiếu phục hưng Phật giáo:***

Năm thứ hai mươi chín, Ngụy Thái Vũ băng hà, Ngô Vương lên ngôi, nhưng chưa được bao lâu cũng mất, đến Cao Tông Văn Thành Đế lên ngôi. Văn Thành Đế là cháu của Vũ Đế. Bấy giờ quần thần đều khuyên vua khôi phục lại Phật giáo, vua liền hạ chiếu rằng: Phàm là Đế Vương phải noi theo những điều sáng suốt, tỏ rõ được nhân nghĩa. Vua

phải thường ban huệ cho nhân dân, làm lợi ích cho mọi loài. Tuy ngày xưa vẫn còn những chính sách hà khắc, vì vậy mà Xuân Thu thích cái lễ tôn sùng sự sáng suốt, Tế Điển ghi những dòng tộc có công, hướng gì Phật giáo! Công đức của Như Lai trùm khắp đại thiên, ân huệ của Như Lai chảy tràn cả đại địa. Những người truy nguyên nguồn gốc sinh tử đều khen là pháp quán thấu đáo, những người đọc văn nghĩa đều quý bởi pháp môn thâm sâu. Phật giáo dùng luật cấm để giúp vua thống trị, đem tánh thiện làm lợi ích cho kẻ trí người nhân, bài bác tà ngụy, khai diễn chánh giác. Thế nên từ xưa đến nay không ai mà chẳng tôn sùng, ưa chuộng, hơn nữa Phật giáo cũng là tôn giáo mà nước ta tôn thờ. Thế tổ Thái Vũ Hoàng Đế mở rộng biên cương đức trùm khắp chốn, Sa-môn đạo sĩ là những người thuần thành tu thiện. Những người như ngài Tuệ Thỉ, không có nơi xa nào mà họ không đặt chân đến. Phong tư và nghĩa khí của họ lúc nào cũng tỏa rộng bao la. Phàm núi cao sông sâu lẽ đâu lại để cho những bọn gian tà ung dung sống nhờ được sao! Do trong chùa để bè đảng hung bạo làm loạn nên tiên triều nhân đó mới tra xét bắt giết những kẻ có tội. Nhưng quan lại làm trái Thánh chỉ, cấm đoán tất cả. Ngày nay, Cảnh Mục Hoàng đế mỗi khi nhớ lại không khỏi bùi ngùi! Lại gặp phải lúc việc quân việc nước bề bộn nên chưa kịp khôi phục lại.

Trẫm nay thừa kế nghiệp lớn, làm vua vạn bang, muốn khôi phục nguyện vọng của tiên vương, làm hưng thịnh đạo pháp. Nay ban lệnh xuống khắp các châu quận, nơi nào có dân ở đều phải xây một ngôi chùa. Những ai mến mộ Phật pháp muốn làm Sa-môn, tính tình thuần hậu, dốc chí tu hành, là người hiểu biết trong hương lý đều cho xuất gia.”

Thế là khắp nơi trong thiên hạ thừa tiếp chiếu chỉ rầm rộ thi hành. Những chùa, tháp, kinh, tượng trước đây đốt phá đều trùng tu lại tất cả.

Hồi ấy có Sa-môn Sư Hiền vốn là dòng Đế vương nước Kế Tân, ngài xuất gia rồi Đông du vào thành nước Lương đến đất Ngụy thì gặp phải lúc bãi bỏ Phật giáo, nên ngài mượn tạm nghề thuốc, thay hình giữ đạo. Đến ngày Phật giáo được phục hưng, ngài tiếp tục làm Sa-môn. Bạn đồng tu của ngài còn có năm người nữa. Hôm đó Cao Tông đích thân xuống tóc cho ngài và mời ngài làm Tăng Thống. Năm sau vua lại ban chiếu chỉ, ở ngay chùa lớn có năm cấp mà trước đây Thái tổ xây cho đạo giáo, nay vua đúc năm tượng Phật Thích-ca, mỗi tượng cao một tượng sáu an trí trong đó. Tính ra số vàng đỏ dùng đúc tượng đến hai

trăm năm mươi ngàn cân (Phần này trích từ Ngụy Thư Phật Lão Chí).

### **18. Vũ Đế:** (Giáp Ngọ)

Tên là Tuấn, tự là Hữu Long, thuở nhỏ có tự là Đạo Nhân, là con trưởng của Văn Đế, ông là người thông minh đỉnh ngộ, văn võ song toàn, ông lên ngôi đổi niên hiệu là Hiếu Kiến, ông mất ở điện Ngọc chúc, thọ ba mươi lăm tuổi, trị vì được mười năm.

Ngụy đổi niên hiệu là Hưng Quang.

### **19. Tổ 27 Bát-nhã-đa-la:**

Ngài sinh trưởng tại Đông Ấn, sau khi đắc pháp với Tôn giả Bát-như-mật-đa, ngài hoằng hóa đến vùng Nam Ấn.

Quốc vương xứ này tên là Hương Chí, là một vị vua rất sùng kính Phật pháp, tôn trọng cúng dường chúng Tăng. Trước đây vua từng cúng cho ngài hạt bảo châu vô giá.

Vua Hương Chí có ba người con rất khôi ngô tuấn tú và rất kính tín Phật pháp. Người con trưởng tên là Nguyệt Tịnh Đa-la, con thứ hai là Công Đức Đa-la và con thứ ba là Bồ-đề Đa-la.

Một hôm, ngài muốn thí nghiệm để biết tài trí của ba thái tử, bèn đưa hạt bảo châu và hỏi:

- Hạt châu này tròn sáng bậc nhất, trong thế gian còn có vật gì sánh với hạt châu này không?

Thái tử thứ nhất và thứ hai đều nói: Hạt châu này là quý nhất trong tất cả châu báu, nên không vật gì có thể sánh với nó. Chẳng phải đạo lực của Tôn giả thì ai có thể có được.

Riêng Bồ-đề Đa-la nói: Hạt châu này là vật báu của thế gian, chưa phải là vật tối thượng, trong tất cả các thứ báu thì Pháp bảo là tối thượng nhất. Hạt châu này là ánh sáng của thế gian chưa phải là ánh sáng tối thượng, trong tất cả các thứ ánh sáng thì ánh sáng của trí mới là tối thượng. Hạt châu này là sự sáng sạch của thế gian, chưa phải là tính sáng sạch tối thượng trong tất cả các thứ sáng sạch thì sự sáng sạch của tâm mới là tối thượng. Hạt châu này sáng sủa nhưng không tự thấy được, mà phải nhờ sự sáng suốt của trí để phân biệt. Khi đã phân biệt được rồi mới biết đó là hạt châu, khi biết được hạt châu mới hiểu được cái đáng quý của nó, khi mình biết cái đáng quý của nó thì vật báu đó chẳng tự biết nó vốn quý báu. Khi phân biệt được hạt châu, thì hạt châu chẳng tự biết nó là hạt châu. Hạt châu chẳng thể tự biết nó là hạt châu, mà phải nhờ hạt châu của trí mới phân biệt được hạt châu của thế gian.



Vật báu chẳng thể tự biết nó là báu, mà phải nhờ vật báu của trí để thấy rõ vật báu của pháp. Thế nên thầy có đạo thì báu của thầy liền hiện, chúng sinh có đạo thì vật báu của tâm cũng vậy.

Ngài khen trí tuệ biện tài của thái tử rồi hỏi tiếp:

- Trong tất cả các vật, vật gì không tướng?
- Trong tất cả các vật, chẳng khởi là không tướng.
- Trong tất cả các vật, vật gì là tối cao?
- Trong tất cả các vật, nhân ngã là tối cao.
- Trong tất cả các vật, vật gì là tối đại?
- trong tất cả các vật, Pháp tánh là tối đại.

Ngài biết Thái tử là bậc pháp khí kế thừa dòng pháp sau này, nhưng thời cơ chưa đến, nên ngài im lặng tỏ vẻ như không có việc gì.

Đến khi vua Hương Chí băng hà, mọi người đều gào khóc thảm thiết, chỉ có Thái tử Bồ-đề Đa-la ngồi nhập định suốt bảy ngày trước linh cữu.

Sau khi an táng cha mình xong, thái tử xin ngài xuất gia. Ngài đồng ý và cho thái tử thọ giới Cụ túc.

Một hôm ngài bảo Bồ-đề Đa-la rằng:

- Như Lai đem chánh pháp nhân tạng truyền cho Tôn giả Đại Ca-diếp, cứ thế lần lượt truyền đến ta, nay phó chúc lại cho ông, hãy nghe ta nói kệ:

*Đất tâm sinh muôn giống  
Do sự lại sinh lý  
Quả mãn Bồ-đề viên  
Hoa nở sinh thế giới.*

Phó pháp xong, ngài đứng thẳng trên tòa, duỗi thẳng hai tay, từ mỗi cánh tay phóng ra hai mươi bảy đạo hào quang ngũ sắc, ánh quang minh chói lòa. Toàn thân ngài bay bổng lên hư không, cao bằng bảy cây Đa-la, dùng lửa Tam-muội tự đốt thân mình. Từ trên không, xá-lợi của ngài tuôn xuống như mưa, Bồ-đề Đa-la cùng tứ chúng thâu lấy, dựng tháp cúng dường. Bấy giờ là năm Giáp Ngọ nhằm đời Tống Hiếu Vũ Đế, niên hiệu Hiếu Kiến năm đầu (Trong Chánh Tông Ký ghi: Đời Tống Hiếu Vũ. Chú thích: Lấy từ ngài Đạt-ma là năm sáu mươi bảy mà tính, thì Tôn giả Bát-nhã-đa-la tịch vào đời Tống Hiếu Vũ, niên hiệu Hiếu Kiến năm đầu. Truyền Đăng ghi: “Năm Đinh Dậu” là không đúng).

## **20. Vua xuống chiếu cầu thỉnh Cầu-na Bạt-đà-la:**

Hiếu Kiến năm đầu, Tống Hiếu Vũ Đế đem binh diệt Nguyên Hung, Cầu-na Bạt-đà-la thấy vậy ẩn nấu trong nhân gian. Về sau, Vương Huyền Mô đóng quân ở Lương sơn, Hiếu Vũ ra lệnh trong ba quân ai tìm được Bạt-đà-la phải đánh xe ngựa đưa về gấp. Sau đó không lâu, bọn họ tìm được ngài, liền đón ngài về Kim lăng để gặp vua. Vua thấy ngài liền nói: Ta trông đợi ngài lâu lắm rồi, hôm nay mới được gặp, ngài từ dân gian trở về, không biết còn giận ta chăng?

Ngài đáp: Tôi đã quên rồi chỉ nhớ lúc duyên thuận thực gặp nhau ở đây mà thôi!

Vua an ủi thăm hỏi ngài, rồi nói đùa rằng: Ngài vẫn còn trách cứ vua chăng?

Ngài đáp: Người xưa chẳng quên một bữa cơm, vua nuôi tôi mười năm, lẽ đâu tôi dám quên nhanh vậy sao! Tôi luôn nhớ nghĩ phải theo bệ hạ để xin ngài tính phước cho đời sau.

Vua nghe vô cùng cảm động liền thôi không đùa nữa. Khi ấy, chùa Trung Hưng xây dựng hoàn tất, vua ban chiếu chỉ mời ngài trụ trì.

Có lần vua mở yến tiệc ở Đông phủ, công khanh đều tập hợp đông đủ, vua mời ngài đến. Hiếu Vũ thấy ngài tóc bạc thân gầy bèn nói với Tạ Trang: Ma-ha-diễn có cơ bệnh, phải đùa với ông ấy tất biết được nguyên do.

Bạt-đà bước lên thêm, vua nói: Ma-ha-diễn không ngại đường xa đến đây, chỉ có điều... Ngài liền đáp ngay: Bản đạo là khách nhận bổng lộc triều đình ba mươi năm, ân đức quá sâu dày rồi, chỉ còn thiếu một điều là chết mà thôi!

Vua nghe vậy vô cùng vui mừng liền kéo chiếu lại ngồi cạnh ngài. Cả đại hội đều kinh ngạc.

Ất Mùi: Ngụy đổi niên hiệu là Đại An.

### ***21. Vua xuống chiếu mời Đạo Tù làm pháp chủ chùa Tân An:***

Hiếu Vũ xuống chiếu mời Sa-môn Đạo Tù làm pháp chủ Tân An và Trấn tự. Hồi ấy trong thời của Văn Đế, lý đốn ngộ của Tuệ Quán chẳng ai tinh thông, Quán thường cùng ngài đối đáp. Vua xuống chiếu chỉ mời ngài vào cung, rồi triệu tập những danh gia nổi tiếng lại nghe pháp. Đạo Tù giảng giải từ đầu đến cuối, nghĩa lý các pháp vô cùng sáng tỏ, người nghe đều khai ngộ. Có những người công kích, vấn nạn, ngài đều biện luận giải thích chiết phục tất cả. Vua vô cùng khen hay. Thế là ngài được mời làm pháp chủ trong thiên hạ, đủ thấy đương thời ngài rất được vua trọng dụng.

**22. Pháp sư Bảo Lượng ở chùa Trung Hưng:**

Pháp sư Bảo Lượng ở chùa Trung Hưng, Trung thư Viên Xán gặp ngài rất lấy làm lạ, bèn viết thư gửi cho thầy của ngài là Pháp sư Đạo Minh, đại khái nói: “Tôi thấy ngài Bảo Lượng chẳng phải là người thường, hằng ngày tôi được nghe những điều trước đây chưa từng nghe, tiếc rằng tôi nay đã già yếu! Thế nhưng hạt châu xuất hiện ở Hợp phố, người nước Ngụy nhật lấy dâng cho vua, ngọc ấy hiện ở Hàm đan, rồi người nước Tần thỉnh về Hoa hạ, đủ biết vật báu trong thiên hạ đâu thể ai muốn giữ là được, mà phải vào tay người nào xứng hợp với nó”.

Từ đó ngài càng được vua, quan kính trọng. Về già ngài trụ trì chùa Linh Vị, diễn giảng nổi tiếng ở Kinh ấp, đệ tử có đến hơn ba ngàn người. Ngài biện luận hoạt bát, văn phong lại sắc bén, linh động, những người nghị luận với ngài nếu chưa thông lý, ngài đều giải thích cặn kẽ, tận tường, nên ai nấy đều thông suốt.

Đinh Dậu: Đổi niên hiệu là Đại Minh.

**23. Rợ Khương Cao Xà làm phản, liên lụy đến Phật giáo:**

Trong năm này Rợ Khương là Cao Xà làm phản, liên lụy đến Sa-môn. Đàm Tiêu liền hạ chiếu giao Sa-môn cho quan Hữu ty tra xét rồi sa thải. Vua đặt ra điều lệ, tiêu chuẩn, những Sa-môn nào chẳng giữ giới hạnh, không tinh cần tu tập, đều phải hoàn tục. Chiếu chỉ tuy nghiêm trọng nhưng rốt cuộc không thi hành.

Canh Tý: Ngụy đổi niên hiệu là Hòa Bình.

**24. Quan Hữu ty Trần tấu với vua buộc Tăng phải lay tục:** (Nhâm Dần)

Tháng chín năm thứ sáu niên hiệu Đại Minh, quan Hữu ty Trần tấu: Thần nghe: Khoanh tay xúm xít đâu thể kỳ vọng được tôn vinh, bó gối ngồi quanh lễ đài đặt mình trong cung kính, thế mà lại đem tư cách ấy rao bày khắp bốn hướng, truyền đạt đến sáu phương! Thế nên dù là chi phái của Nho gia, dòng tộc của Mặc gia, đến như những kẻ kính trọng mẹ cha, đều noi theo lễ kính, phép tắc. Chỉ có đạo sĩ của Phật giáo là làm khác mà thôi. Bọn họ hủy bỏ lễ nghi, ngồi ngang với Vương tôn, đánh mất kỷ cương diệu kỳ của quốc gia, mê lầm cái thắm mỹ cao tột. Thần nghe, Phật lấy khiêm cung tự sửa mình, lấy trung thuận làm đạo. Bất kính Tỳ-kheo, gặp người đều lễ bái. Đại sĩ Mục-liên gặp bậc trưởng thượng thì lễ bái, chứ làm gì quỳ gối trước bốn chúng mà chẳng lễ lay mẹ cha, dập đầu trước trưởng lão trong tông môn mà đờ người

trước vị vua vạn thừa đầu! Bởi vậy trong niên hiệu Hàm Khương đã nói về việc này, đến niên hiệu Nguyên Hưng cũng đã từng nêu lại, thế nhưng việc ấy cũng bị bè đảng vuì chôn, đạo lý cũng bị những kẻ ấy xô ngã. Nay, bệ hạ thanh trừ thì muôn dân rất khâm phục. Cửu Tiên dâng bảo vật, trăm thần đều phò giúp xã tắc, thế nhưng ở trong kinh kỳ đều là bọn dân không phải bề tôi, dưới thêm trong chương toàn là thứ khách chống lại lễ nghi, sợ rằng đó chẳng phải là điều làm mẫu mực cho quốc gia, làm khuôn phép cho thiên hạ.

Bọn thần tham nghị, cho rằng Sa-môn tiếp kiến quân vương đều phải dập đầu lễ lạy. Nếu dựa vào phong tục đã có, thì triều đình sẽ có một khuôn phép mẫu mực lưu truyền cho muôn đời sau, mà những ai đến đây cũng đều phải làm như thế.

Pháp sư Tăng Viễn nghe quan Hữu ty tấu xong, bèn than: “Ta đã cao đầu làm Sa-môn, vốn là kẻ xuất gia cầu đạo, thì có liên lụy gì đến Đế vương!” Ngay ngày hôm đó, ngài phủi áo trở về núi rừng.

### **25. Chu Linh Kỳ gặp Thánh tăng:**

Trong năm này, Chu Linh Kỳ vốn người ở quận Ngô, từ Cao Ly đi thuyền về, bỗng bị gió lớn thổi tạt vào một cù lao. Trên cù lao có núi, Kỳ bèn leo lên khoảng hơn mười dặm, ngửi thấy mùi cơm, mới biết trong ấy có chùa. Chùa này làm bằng bảy thứ báu, thấy Tăng đứng đến mấy lớp nhưng đều là tượng đá. Kỳ muốn trở lui thì nghe tiếng gọi, Kỳ liền lễ lạy và được ăn cơm. Mùi vị của cơm này thơm ngọt mà thế gian chưa từng có. Bỗng có người nói: Nơi này cách Kim Lăng hơn hai mươi ngàn dặm, anh có biết Đạo nhân Bôi Độ không?

Kỳ đáp: Dạ, có biết!

Người ấy lại chỉ qua vách phía Bắc, trên ấy có treo một cái túi, bình bát, tịnh bình và tích trượng, rồi nói: Đó là vật dụng của ông ấy, nay ta giao nó cho anh cùng một lá thư, người ấy lại lấy một cây gậy bằng trúc xanh đưa cho Kỳ và nói: Gặp Bôi Độ thì đưa hết cho ông ấy.

Người đó sai một Sa-di tiễn Kỳ ra thuyền, Sa-di bảo Kỳ chống cây gậy ấy xuống nước ở trước mũi thuyền. Chỉ ba ngày sau, Kỳ đến bến Thạch đầu, và chẳng còn thấy cây gậy đâu cả. Lúc đó ngài Bôi Độ cũng vừa đến. Sau khi nhận được cái bát, Bôi Độ cười vang và nói: Ta không thấy cái bát này đã bốn ngàn năm rồi! Nói xong tung bát lên hư không, lại đưa tay đón lấy rồi đi mất.

Bôi Độ nhiều lần thị tịch, nhưng sau đó người ta lại thấy ngài đi đây đó khắp nơi. Có lần ngài đến nhà Tề Hải, lại thấy ba đạo sĩ bạn

mình là Đạo Tuệ, Đỗ Thiên Kỳ, Thủy Khâu Hy cũng ở đó. Hải thất kinh liền đánh lễ, ngài nói với Hải: Năm nay đại hung, ông chớ quên tu phước. Đạo nhân Pháp Ý là người có đức cao, có thể nhờ ông ấy giải nạn cho. Khi ấy bỗng có người trên xà cửa gọi ngài, ngài ngược lên nhìn thấy bèn cáo từ mọi người rồi đi, về sau không ai còn thấy ngài nữa.

**26. Diêu Hưng kính trọng Thích Tăng Đạo:** (Quý Mão).

Thích Tăng Đạo người ở Kinh Triệu, năm mười tuổi theo thầy xuất gia, là người tài cao học rộng, được Đế vương rất kính trọng.

Hồi ấy Diêu Hưng rất kính trọng ngài, ra vào cung thường ngồi cùng xa giá với vua. Về sau vua mến tài năng của ngài, bèn đích thân xây dựng chùa Lập Quang ở Thọ xuân rồi thỉnh ngài về giảng pháp. Thăng tòa xong ngài nói: “Phật xưa thác sinh trong vương cung, nhập diệt ở Song lâm. Từ đó đến nay đã hơn ngàn năm, dòng nước thuần tịnh đã vĩnh viễn ngưng chảy, ngọn gió trong lành đã không còn thổi nữa. Vườn Cấp cô độc biến thành gò đồi, trong vườn Lộc dã cỏ rậm hoang vu, chín mươi lăm thứ đạo bỗng chốc ngập tràn, quần sinh trong ba cõi đều lấy nhà lửa làm Tịnh độ, đâu biết Thượng thánh bù ngài, Đại sĩ rơi lệ!”. Nói đến đây, ngài cảm động rơi nước mắt, bốn chúng thấy vậy ai cũng ngậm ngùi!

**27. Phế Đế:** (Ất Ty)

Tên là Nghiệp, thuở nhỏ có tự là Pháp Sư. Ông là con trưởng của Hiếu Vũ đế, bản tánh vốn bất nhân bất nghĩa, dâm loạn bạo ngược, bị sủng thần Thọ Tịch Chi giết. Ông mất ở điện Quang Hoa, thọ mười bảy tuổi trị vì được một năm.

**28. Quốc vương nước Sơ Lặc tặng y ca-sa của Phật:**

Trong thời Ngụy Văn Thành đế, cuối năm ấy, quốc vương nước Sơ Lặc sai sứ mang đến tặng vua một cái y ca-sa của Phật dài hơn hai trượng. Vua muốn biết có phải là y của Phật hay hay, nếu phải tất có điềm linh dị ứng hiện. Vua bèn đặt y trong lò lửa lớn, đốt cả ngày mà y vẫn không cháy. Thấy vậy vua vô cùng kính hãi, từ đó hết lòng kính tín Phật pháp.

**29. Minh Đế:**

Tên là Hoắc, tự là Hưu Bính, thuở nhỏ có tự là Vinh Kỳ, là con thứ mười một của Văn Đế. Ông lên ngôi đổi niên hiệu là Thái Thủy, thích thờ

quỷ thần, tàn khốc bạo ngược, ông mất ở điện Cảnh phước, thọ ba mươi bốn tuổi, trị vì được bảy năm.

Ngụy: Hiến Văn Đế: Tên là Hoàng, con của Văn Thành Đế ông trị vì được sáu năm rồi nhường ngôi lại cho thái tử, còn mình làm thái thượng hoàng. Ông mất năm hai mươi ba tuổi.

Bính Ngọ: Đổi niên hiệu là Vĩnh Quang. Ngụy đổi niên hiệu là Thiên An.

Đinh Mùi: Phật giáo được truyền vào Trung Quốc được bốn trăm năm. Ngụy đổi niên hiệu là Hoàng Hưng. Trong năm này, Ngụy dựng chùa Vĩnh Ninh gồm bảy cấp, cao hơn ba trăm thước, là ngôi chùa đồ sộ nhất thiên hạ. Lại đúc một tượng Phật Thích-ca bằng vàng đỏ, cao bốn mươi ba thước, tổng cộng hết một trăm ngàn cân vàng đỏ và sáu trăm cân vàng ròng. Lại dựng thêm một ngôi tháp đá có ba tầng.

### **30. Đại sĩ Bảo Chí:**

Trong năm này Đại sĩ Bảo Chí thường qua lại vùng Hoàn sơn, Kiếm thủy. Ngài để tóc dài, đi chân không, mang túi gấm, người đời gọi là ngài là Chí Công. Diện mạo của ngài sáng đẹp, quắc thước lạ thường, móng tay móng chân giống như móng chim. Hồi ấy vợ của Dương thị là Chu Thị ở phía Đông Kim lăng, nghe trên cây có tiếng con nít khóc trong tổ nhạn, bèn leo lên nhặt đem về nuôi. Năm bảy tuổi, ngài theo đại Sa-môn Tăng Kiệm ở Chung sơn xuất gia, chuyên tu tập Thiền quán. Đến năm nay ngài bắt đầu du hóa. Ngài buộc cây phất tử dài hơn một thước vào cây gậy rồi vác đi, xóm làng nào ngài đi qua, bọn trẻ con thường ùa theo la ó âm ỉ. Có khi ngài chỉ uống rượu suông, có lúc nhin ăn trong nhiều ngày. Có lần gặp người ăn nộm cá, ngài bèn xin ăn, người ấy vẫn cho nhưng trong tâm tỏ ý khinh bỉ. Ngài liền mửa vào trong nước, nộm cá bỗng biến thành cá sống bơi lội. Lúc nào ngài cũng làm thơ, nhưng ban đầu chẳng ai hiểu được ngài muốn nói gì, nhưng về sau những lời ấy đều ứng nghiệm.

### **31. Thiệu Thạc, người ở Khương Cư:**

Thiệu Thạc vốn là người nước Khương Cư. Diện mạo của ngài rất kỳ dị, miệng rộng mắt to, trông giống như một người điên, bọn trẻ con thường khinh khi trêu chọc ngài. Ngày nào ngài cũng theo bọn uống rượu vào quán nhậu nhẹt. Về sau ngài xuất gia với đạo hiệu là Thạc Công, kết thân với Đại sĩ Bảo Chí. Ngài đi lại bất kể ngày đêm, hễ khi nào muốn đi là đi.

Khi đến các huyện tại Ích châu, ngài nói toàn là chuyện tiếu, khiến ai cũng phát cười, nhân đó khuyên họ làm lành, ai nấy đều hoan hỷ làm theo. Lúc sắp mất ngài bảo Sa-môn Đạo Tiến: “Ông hãy đem thi thể ta đặt dưới gốc cây Tùng, nhưng phải mang guốc cho ta”. Tiến hứa làm theo.

Sau khi ngài quy tịch, Tiến cho người khiêng thi thể ngài đặt dưới cây tùng, nhưng hôm sau lại xem thì chẳng thấy đâu cả. Ngay lúc ấy có người từ huyện Bì đến và nói: Hôm qua tôi gặp Thạc Công mang một chiếc guốc đi trong chợ, ông ấy bảo tôi nói với Đạo Tiến rằng: Bọn trẻ khinh ta, chỉ cho ta mang một chiếc guốc!

Tiến nghe thất kinh, hỏi Sa-di, Sa-di thưa: Hôm đó lúc khiêng thi thể đi, đánh rơi mất một chiếc, nhưng vì đi gấp quá nên không kịp lượm.

### **32. Vua xuống chiếu mời Tăng Cẩn làm Tăng Chánh:**

Mậu Thân: Minh Đế hạ chiếu mời Tăng Cẩn làm Tăng Chánh trụ trì chùa Linh Căn. Vua có rất nhiều điều kiên kỵ, kẻ nào phạm đều phải bị giết. Mỗi lần như vậy, Cẩn đều can gián vua, nhờ đó có rất nhiều người được thoát chết.

Thời ấy, các vị danh sư ở Kinh ấp đưa ra nghĩa của Nhị Đế. Tổng cộng có ba Tông, nhưng mỗi Tông đều dựng lập khác nhau. Thấy vậy Chu Ngung ở Nhữ Nam bèn trước tác Tam Tông Luận nhằm đả thông những điểm khác nhau đó, nhưng sợ có người phê bình chỉ trích nên không dám lưu hành.

Thời đó Pháp sư Trí Lâm là người được trọng vọng nhất. Ngài bèn gửi thư cho Chu Ngung, nói: Tôi trộm nghe, Tam Tông Luận sâu xa huyền diệu, thấu đạt tình thức của chúng sinh, nghĩa lý bao la mà lại khoáng đạt, khế hợp với ý chư Phật, khiến cho ngọn đèn chánh pháp tỏa sáng, thật là lợi ích vô cùng! Giả sử đem quốc thành, vợ con bố thí làm sao so sánh kịp với bố thí pháp! Tôi nghe nói ông sợ bị phê bình nên muốn giấu kỹ, như vậy chẳng phải là tự trói mình trong chướng ngại, tự phơi bày cái tệ của mình đó sao!

Ngung nhận được thư hoảng sợ tỉnh ngộ, từ đó bộ luận này được lưu hành ở đời.

Tân Hợi: Nguyên Ngụy Văn Hoàng Đế: Tên là Hoàng, con trưởng của Hiến Văn Đế. Lúc sinh có nhiều điềm lành ứng hiện, ông lên ngôi năm năm tuổi, vốn là một ông vua có đức độ, khi ấy Mã thái hậu lâm triều bố chánh, đến năm mười bảy tuổi ông mới nắm quyền chánh. Ông

lên ngôi đổi niên hiệu là Diên Hưng, đổi thành họ Nguyên, dời đô về Lạc Dương, bỏ y phục người Hồ, ngôn ngữ của Phiên Man. Ông mất năm ba mươi ba tuổi, an táng ở Trường lăng, trị vì được hai mươi chín năm.

### 33. *Ngụy Sử Thích Lão Chí:*

Trong Thích Lão Chí viết: Ngụy Hiếu Văn Đế là bậc thiên tử sáng suốt, năm tuổi nhận ngôi, mười tuổi thì nắm quyền chính. Thái Hòa thứ mười tám, vua dời đô về Lạc Dương, năm thứ hai mươi đổi thành họ Nguyên. Văn chương của ông gồm cả trăm thiên, nhiều nhất trong các vị vua từ trước đến nay. Lúc đầu hạ chiếu cho quan Hữu ty ghi chép, từ năm Thái Hòa về sau tự tay vua viết. Văn chương của các Đế vương từ xưa đến nay, không ai bằng ông. Ông bảy lần hạ chiếu chấn hưng Phật giáo, lại xây dựng hai ngôi, chùa Lộc dã và Lộc uyển. Phòng Tăng, thiên thất cực kỳ trang nghiêm, tráng lệ.

Nhâm Tý: Đổi niên hiệu là Thái Dự. Tháng tư vua băng hà, thái tử Dục lên ngôi, lúc này mới mười tuổi.

Quý Sửu: Hậu Phế Đế: Tên là Dục, tự là Đức Dung, là con trưởng của Minh Đế, do tính tình dâm loạn, bạo ngược nên bị phế xuống làm Thương Ngô Vương, sau bị Dương Vương Phu giết. Ông thọ mười lăm tuổi đổi niên hiệu là Nguyên Huy, trị vì được bốn năm.

Bính Thìn: Ngụy đổi niên hiệu là Thừa Minh.

Đinh Ty: Thuận Đế: Tên là Chuẩn, tự là Trọng Mô, thuở nhỏ có tự là Trí Quán, con thứ ba của Minh Đế. Ông lên ngôi đổi niên hiệu là Thăng Minh, bấy giờ Tiêu Đạo Thành làm Tư không, tổng quản việc quân việc nước. Tháng ba năm Mậu Ngọ dùng Thái phó làm tướng quốc, lại ban tặng cho ông Cửu Tích, rồi nhường ngôi cho Đạo Thành, ông trị vì được tám năm.

Ngụy đổi niên hiệu là Thái Hòa.

Nhà Tống gồm tám đời vua, trị vì được sáu mươi năm rồi nhường ngôi cho Tề.

### 34. **Tề Thái Tổ:** (Kỷ Mùi)

Lôi Thị nói: Cao, Vũ, Uất Lâm, Hải Lăng, Minh Đế, Đông Hôn và Hòa Đế, Tề gồm bảy đời vua, trị vì được hai mươi bốn năm.

Thái Tổ Cao Hoàng Đế: Tên là Đạo Thành, họ tiêu, tự là Thiệu Bá, thuở nhỏ có tự là Văn Tướng, ông là cháu hai mươi bốn đời của tướng quân Tiêu Hà. Ông nội là Chính vượt sông định cư ở Tấn Lăng,



đó là người Lan Lăng, kế đó cha ông lên nối nghiệp làm quan dưới triều Tống, giữ chức Thái thú Hán Trung, nhân đó sinh ra ông. Ông có trán như rồng, tiếng nói như chuông, cũng làm quan dưới triều Tống, lập được công lớn. Thương Ngô Vương nhiều lần mưu hại ông, ông bèn nổi giận đem binh đánh Tống rồi làm Tề vương. Ông mất ở điện Lâm Quang, thọ năm mươi bốn tuổi, trị vì được bốn năm. Khi Thuận Đế nhường ngôi cho ông, Thuận Đế đưa tay lên trời khóc và nói: “Nguyện trong đời sau thân tôi đừng bao giờ sinh vào nhà Vương gia!” Ông lên ngôi, đổi niên hiệu là Kiến Nguyên.

### **35. Vua xa giá đến trụ xứ của Tăng Viễn: (Canh Thân)**

Trong năm này Cao Tổ có việc phải qua Chung sơn, nhân đó vua ghé vào trụ xứ của Sa-môn Tăng Viễn. Khi ấy Viễn ngồi vào giường, lấy cớ vì bệnh tật già yếu nên không thể ra nghênh đón được. Cao Tổ muốn đến phòng để thăm ngài, nhưng tả hữu đều nói phòng ốc chật hẹp, kiệu lọng vào không được, vua bèn đợi ở ngoài, sai sứ vào trấn an ngài. Ngài mới đứng dậy đi ra.

Ngài ở trên núi hơn năm mươi năm, ban đầu còn ăn uống, nhưng hai mươi năm sau chỉ uống nước cháo. Thiên hạ đều ngưỡng vọng đức hạnh cao xa của ngài. Khi ngài quy tịch, Vũ Đế gửi thư cho Sa-môn Pháp Hiến và nói: Viễn Công vô thường, ngay đêm ấy đệ tử đã biết. Ngài bỏ nơi này thác sinh vào một nơi vô cùng an lạc, có rất nhiều phong cảnh đẹp lạ, Pháp sư không nên quá bi thương. Một hai ngày nữa, đệ tử đến gặp Pháp sư mới có thể thuật lại những điều tốt đẹp trong giấc mộng hôm qua được. Nay Pháp sư làm việc công đức, những phí tổn cần thiết đều phải cho đệ tử biết đủ.

### **36. Vũ Đế: (Quý Hợi)**

Tên là Di, tự là Tuyên Viễn, con trưởng của Cao Đế, tính tình vốn tiết kiệm, ưa thích trữ quốc khố. Ông tích chứa trong quốc khố đến tám ức vạn đồng, vàng, bạc, lụa là không sao kể xiết. Ông lên ngôi đổi niên hiệu là Vĩnh Minh, mất ở điện Diên Xương, thọ năm mươi bốn tuổi, trị vì được mười một năm.

### **37. Vua ban chỉ mời Pháp Hiến, Huyền Sướng làm tăng chủ:**

Giáp Tý năm mười hai:

Vua ban sắc chỉ mời Pháp Hiến và Huyền Sướng làm Tăng chủ trong nước. Hôm đó hai ngài vào cung, khi đối đáp với vua chỉ xưng

tên và không ngồi. Còn Tăng Chung ở chùa Trung Hưng khi đối đáp với vua thì xưng là Bần đạo. Vũ Đế thấy lạ bèn hỏi Trung thư Vương Kiệm, Kiệm đáp: Thời Hán Phật pháp trong nước Ngụy chưa thịnh hành, truyện ký không thấy ghi chép việc này. Chỉ riêng đến Tống, Ngụy mới bắt đầu thịnh hành, khi ấy hầu hết Sa-môn đều xưng là Bần đạo nhưng ngồi trước vua. Vào thời Tấn, Dữu Bạng, Hoàn Huyền đều muốn khuất phục họ thay đổi, nhưng cuối cùng không được và đến nay họ cũng xưng là Bần đạo.

Vua nói: Pháp Hiến và Huyền Sướng đạo hạnh cao vời như vậy mà vẫn xưng tên, Trẫm cũng xưng tên để đúng với lễ nghi và có thể lấy đây làm thể thức chung cho sau này vậy.

### **38. Huyền Sướng- người đầu tiên thuật Hoa Nghiêm Sơ.**

Hồi ấy Pháp Hiến rất mến mộ Phật pháp, ngài bèn qua Tây Vực với mục đích thỉnh kinh. Từ Ba Thục, ngài ra khỏi Hà Nam, qua nước Nhuế Nhuế rồi đến Vu-diễn. Ngài muốn vượt qua Thông Lãnh, nhưng đường Sạn đạo đã bị phá nên không qua được. Tại đây, ngài thỉnh được một cái răng của Phật, mười lăm hạt xá-lợi cùng kinh luận bằng tiếng Phạm, liền quay về.

Huyền Sướng vốn là người tinh thông Kinh Luật, tinh tường sử sách của Bách gia chư tử. Khi ấy Hoa Nghiêm chưa có ai chú sớ, ngài là người đầu tiên làm công việc này. Học giả sau này noi theo ngài mà trước thuật. Tài năng và đức độ của ngài cao xa, hoàng đạo giúp đời, có công lớn với đất nước. Vào lúc tuổi già, vua đặc biệt cho phép ngài ngồi kiệu khi vào điện. Người đương thời gọi ngài và Pháp Hiến là bậc hào kiệt của Phật giáo.

Minh Đế Tung Thiên sư luận rằng: Thời cận cổ, cao tăng yết kiến Thiên tử không xưng tên. Thiên tử gọi thư thì gọi họ là Sư, là Công. Tăng Viễn ở Chung sơn để loan xa của vua ngoài cửa. Ngài ngồi trong giường không ra tiếp giá, Tuệ Viễn ở Hồ Khuê gặp lúc thiên tử đi Tầm Dương có chiếu thỉnh nhưng ngài không xuống núi. Thiên tử đương thời tiếp đãi những người đó, tôn kính đức độ của họ. Thế nên đạo của Thánh nhân hưng thịnh là nhờ những người ưa chuộng kẻ có đức. Đạo Nho nói: “Tại sao quý trọng cái đức? Bởi vì đức gần gũi với đạo!”

Những người trong đời sau mến mộ các vị Cao tăng ấy, nên khi giao tiếp với Công khanh, đại phu vẫn không chuộng cái lễ nghi của bậc hạ sĩ. Dù họ làm quan hay ở ẩn thì những kẻ tầm thường không sao hiểu được họ, huống gì nói đến việc Tuệ Viễn yết kiến Thiên tử, hay Tăng

Viễn được vua đến thăm! Nhìn sự hưng thịnh của đạo pháp chúng ta, xem cách tu hành của người chúng ta, lẽ đâu như vậy là được rồi chăng? Giữ đạo pháp mà mình không phải là người tu theo đạo pháp, thì giữ đạo có ích gì! Mỗi khi nghĩ đến việc ấy tôi đều rơi lệ!

Bính Dần: Ngụy mới bắt đầu mặc triều phục, đi xa giá.

Kỷ Ty: Ngụy tế tự Viên Khâu, Phương Trạch, lập đền thờ Khổng Tử.

### **39. Bảo Chí hiển hóa trong ngục:**

Vĩnh Minh năm thứ bảy, Vũ Đế nổi giận vì vua cho rằng Đại sĩ Bảo Chí mê hoặc mọi người, liền bắt giam trong ngục ở Kiến Khương. Ngày hôm đó, người trong nước đều thấy Bảo Chí đi lại trong chợ, trong thành, ngay đó quan lại kiểm tra thì vẫn thấy ngài ở trong ngục. Chiều đó, ngài nói với quan giữ cửa ngục: Ngoài cửa có hai xe chở thức ăn, đều dùng bát vàng đựng đầy cơm, người có thể đến đó lấy.

Quả nhiên Thái tử Văn Tuệ, Cảnh Lăng Vương đưa đồ cúng đến. Quan lệnh Kiến Khương là Lã Văn Hiển đem việc này nói vua nghe, vua bèn tạ tội rồi đón ngài vào cung. Sau đó vua có chỉ phải trừ khử ngài.

Bấy giờ hậu cung đãi yến tiệc cho bọn gia nhân, ngài cũng xếp hàng cùng mọi người đi ra, nhưng sau đó người ta lại vẫn thấy ngài hành đạo trong điện Hiển Dương, phía sau ngài còn có bảy hàng Tỳ-kheo tùy tùng. Vua thất kinh liền gọi quan đến hỏi, ông quan này thưa: Bảo Chí lâu nay qua lại bên ngoài hình trạng giống hệt Bảo Chí ở đây. Từ đó Vũ Đế vô cùng thần kính ngài.

Sau đó tại Hoa Lâm viên, ngài bỗng đội ba cái mũ một lần, người ta cũng không biết ở đâu ngài có. Sau đó không lâu thì Vũ đế băng hà, Thái tử Văn Tuệ và Dự Chương Vương cũng chết tiếp, quả đúng những dự đoán của ngài.

Sa-môn Bảo Lượng ở chùa Linh Vị muốn đem áo và khăn choàng dâng biếu ngài, nhưng chưa kịp nói, ngài bỗng sấn đến giật khăn choàng rồi đi mất. Vương Trọng Hùng gặp ngài bèn hỏi: Ông là quan ở đâu đến đây? Ngài chẳng thèm trả lời mà mở ngay một tua vải bên trái đeo trên đầu gậy đưa cho Hùng. Trọng Hùng lúc đó chẳng hiểu gì cả, nhưng sau này quả nhiên ông giữ đến chức Thượng thư tả thừa.

Cuối năm Kiến Vũ, sáng sớm nào ngài cũng ra khỏi cửa thành. Hôm nọ, bỗng ngài vén áo quần chạy qua rồi la: Trên cửa có máu tanh!

Đến khi Minh đế bị hại, quả nhiên người ta dùng xe trâu chở vua

từ cửa thành này đi ra. Bọn hoạn quan cứ từ từ khiêng vua đi đến nhà để ngựa, máu trên cổ nhà vua vấy đầy gạch cửa.

Hồi đó ở Uất Lâm có rất nhiều kẻ giết hại tông thất, cao sĩ Giang Tất rất lo lắng. Nam Khương Vương hỏi ngài, ngài liền lật úp lò hương rồi chỉ đồng tro đó ấy nói: Đều cháy thành tro như thế này!

Từ Lãng lúc còn nhỏ, cha ông dẫn đến yết kiến Bảo Chí. Ngài vỗ đầu đứa bé nói: Đây là con Kỳ lân đá trên trời! Quả nhiên sau này Lãng nổi tiếng ở đời.

#### **40. Đàm Siêu thuyết pháp cho rồng nghe:**

Sa-môn Đàm Siêu ở trên núi Linh Uyển thuộc Tiên Đường. Một đêm nọ, có Di Nhân đến nói với ngài: Nước này muốn ngài ở lại làm phước cho sinh linh. Nhưng họ Dương giàu có kia vô cớ đục phá núi, phá hư nhà của bọn rồng, nên rồng nổi giận không làm mưa, đến nay đã hai trăm ngày rồi. Nay muốn Pháp sư qua đó một lần dạy dỗ bọn rồng, làm phước cho sinh linh, không biết ý ngài thế nào?

Siêu nói: Đây là việc của đàn việt, ta làm sao có thể làm được!

Thần nói: Sức của đệ tử có thể nổi mây nhưng không thể làm mưa được.

Siêu nghe vậy liền đồng ý đi. Ngài đến núi Xích Đình thuyết pháp cho rồng nghe. Bỗng chốc mưa to đổ xuống. Nhân đó ngài dừng lại ở Lâm Khê. Huyện lệnh nghe ngài ở đây liền sắm thuyền đến đón, nhưng ngay hôm đó ngài quay về lại Linh Uyển.

#### **41. Cố Hoan trước tác Di Hạ Luận: (Tân Mùi).**

Dật sĩ Cố Hoan ở ẩn không ra làm quan, ưa thích tư tưởng Hoàng Lão. Trong Nam Tử chép: Hoan cho rằng Phật giáo và Đạo giáo là dị học, thường phỉ báng chống đối nhau, nên Hoan bèn viết Di Hạ Luận. Đại loại trong đó nói: Biện thị phi phải căn cứ Thánh điển. Trong đạo kinh nói: Lão Tử vào cung, thác sinh trong thai của Hoàng hậu Tịnh Diệu là phu nhân quốc vương nước Duy-vệ bên Thiên Trúc. Nhân lúc Hoàng hậu ngủ trưa, Lão tử theo ánh sáng mặt trời vào trong miệng Tịnh Diệu mà bà chẳng hề hay biết. Ngài tám tháng tư năm sau, ông sinh ra từ nách phải của Hoàng hậu, chân vừa chạm đất liền đi bảy bước. Thế là đạo Phật từ đó bắt đầu hưng thịnh. Việc này trích từ Thiên Huyền Diệu.

**Kinh Phật nói:** Đức Thích-ca trải qua trần sa kiếp số mới thành Phật. Có khi làm Quốc sư, Đạo sĩ, Nho sĩ... đoạn này trích từ kinh Thụy

### Ứng Bản Khởi.

Nếu đem so sánh, thì thời Ngũ Đế Tam Hoàng chưa nghe có Phật. Quốc sư, Đạo sĩ đâu hơn Lão, Trang. Giáo chủ rừng Nho ai vượt hơn Chu, Khổng. Nếu Khổng, Lão không phải là Thánh thì con ai xứng đáng! Nhưng những gì hai đoạn kinh trên nói dường như phù hợp nhau. Đạo tức là Phật, Phật tức là đạo. Thánh quả của họ thì như nhau, nhưng dấu tích thì trái ngược. Người thì hòa quang để chỉ rõ cái gần, người thì diệu linh để nêu bày điều xa. Đạo chảy toàn thiên hạ, nên không có nơi nào mà không đến. Trí bao trùm vạn vật, nên không vật nào mà không làm. Cảnh giới đi vào không đồng, nên việc làm tất khác biệt, từ đó hình thành cá tính của mỗi người, không thay đổi việc làm của mình. Bởi vậy thuận thời làm quan thì mang diện mạo của Hoa Hạ, cắt tóc quấn y thì mang dáng dấp của Khương Nhung; bảo toàn hình hài, giữ đúng lễ nghi noi theo cái gia phong nối tiếp việc thiện, hủy bỏ dung mạo, thay đổi hình hài nối gót cái học đoạn tuyệt việc ác, lẽ đâu một người thì đồng như người, một người khác với vật sao? Thánh nhân trong vô tận thế giới đời nào cũng hưng thịnh. Có người nêu tổ Ngũ đế, có người ban bố Tam thừa, ở trong loài chim thì hót tiếng chim, ở trong loài thú thì gầm tiếng thú. Dạy Hoa Hạ thì nói ngôn ngữ Hoa Hạ, giáo hóa Man Di thì nói ngôn ngữ của Man Di. Thuyền xe đều để đi xa, nhưng có sự khác nhau giữa sông nước và đất liền. Phật Đạo có cùng sự đạt hóa, nhưng khác biệt là kẻ Di người Hạ. Nếu cho rằng giáo pháp như nhau, cách thức có thể thay đổi qua lại, thì xe có thể bơi dưới nước, thuyền có thể đi trên cạn chẳng! Cứ xem kỹ tất nhận thấy ngay.

Sa-môn ôm cây ngồi đợi, Đạo sĩ cùng tranh giành nhau, lớn nhỏ đua nhau đâm chém. Người thì lấy một mối đạo rồi cho là hai, người thì trà trộn với thế tục rồi cho là một, khiến cương cái dị mà cho là đồng, phá cái đồng làm thành cái dị, đó là đầu mối của sự tranh giành, là nguồn gốc của sự hỗn loạn. Tìm đến Đạo Thánh thì đồng, nhưng cách thức thì khác biệt, khởi đầu không có đầu, kết thúc không có cuối. Niết-bàn, hóa Tiên mỗi cách là một phương pháp. Phật thì gọi là Chánh Chân, Đạo thì gọi là Chánh Nhất. Nhất trở về với Vô tử, Chân trở về với Vô sinh, tên gọi thì trái ngược nhưng sự thật thì hợp nhau, có khác chẳng là vô sinh dạy lý xa, Vô tử dạy việc gần. Pháp gần thì có thể tiến và yếu, pháp xa có thể thối và mạnh. Phật giáo thì hoa hộc mà lại rộng, Đạo giáo thì chất phác mà lại tinh. Tinh thì người thô không thể tin được, rộng thì người tinh không thể có được. Phật thì dùng ngôn từ hoa mỹ để dẫn dắt người, Đạo thì dùng sự thật để áp chế người, áp chế

thì người sáng suốt tự tiến tới, dẫn dắt thì kẻ mê muội tranh nhau tiến. Kinh Phật nhiều nhưng cạn cợt, kinh đạo ít nhưng lại thâm sâu. Thâm sâu thì cửa ngõ nhiệm mầu khó thấy, cạn cợt thì con đường ngay thẳng dễ theo. Đó là những lời luận bàn về hai đạo giáo ấy.

Thánh nhân không hạn lượng, vuông tròn mới có hình dáng nhất định. Vật dụng có công dụng khác nhau, thì giáo pháp cũng có cách thi thiết khác biệt. Phật có cách thức phá ác, Đạo có thủ thuật hưng thiện. Hưng thiện thì đề cao tính tự nhiên, phá ác thì quý trọng tính đồng mãnh. Dấu tích của Phật thì rõ ràng nhằm khai hóa muôn vật, dấu tích của đạo thì sâu mầu nhằm hoàn thiện chính mình. Sơ lược vài dòng đủ thấy hơn thua.

Cố Hoan tuy hòa đồng hai đạo, nhưng chủ yếu vẫn thiên lệch về Đạo giáo.

#### ***42. Tư đồ Viên Xán phản bác Di Hạ Luận:***

Quan Tư đồ Viên Xán thay Sa-môn Thông Công phản bác Di Hạ Luận của Cố Hoan. Đại loại nói rằng: Mặt trời ngừng chiếu nhưng vì sao thì thường ngậm chiếu, điềm ứng hiện lúc Đản sinh là có trước Lão giáo, đầu phải vào cung mới ứng hiện điềm lành như vậy. Lại nữa những điều ấy sử sách Tây Vực ghi lại, vốn do kinh Phật diễn nói. Thế tục thuận theo cái lễ nghi cúi quỳ, đầu ưả cung cách ngôi ngay. Đạo giáo cho rằng đi quanh ba vòng là cung kính chứ đầu ưả gì cung cách quỳ xỏm. Điều đó lẽ đâu chỉ có Nhung Địch còn phương này thì không chăng? Tương Đồng yết kiến vua phải quỳ gối mà lệch tới. Triệu Vương triều kiến Thiên tử nhà Chu phải đi ba vòng rồi sau mới đứng. Ngày nay Phật pháp thịnh hành nơi này, có khi giữ nguyên như vậy, có khi sửa đổi lại. Những kẻ sĩ có đức tin trong sạch thì dung mạo, y phục chẳng cần sửa đổi, những người dứt tâm thế tục thì diện mạo, y phục đều phải thay đổi. Thay đổi vốn là theo đạo mà không chạy theo thế tục. Nếp sống khác tục thì không còn sợ nhầm lẫn thế tục.

Khổng, Lão và Thích-ca về con người có khi giống nhau, nhưng xem mỗi người thi thiết đạo lý thì đạo tất khác biệt. Khổng giáo, Lão giáo lấy thế tục làm gốc, còn như họ Thích lấy xuất thế làm chính. Khởi đầu đã khác, thì kết quy cũng vậy. Lại nữa Hóa Tiên thì cho thay hình là cao, còn Niết-bàn thì lấy việc dưỡng thần làm trọng. Những người thay hình thì bực đầu mới chịu tu, nhưng chưa tránh khỏi cái chết. Những người dưỡng thần thì hằng ngày làm cho mọi mê lầm vơi đi, mà lại vắng lặng thường trụ. Con đường của Niết-bàn là cảnh giới vô tử. Dưỡng thần

như vậy, sao ông bảo rằng đồng nhau?

Bấy giờ Hà Thường Thị Trấn Chi thấy Cô Hoan hòa đồng hai tôn giáo, ông hết sức bất bình, liền gửi thư cho Hoan kịch liệt phản đối cho rằng, Đạo giáo không đủ tư cách để ví với Phật giáo. Hoan trả lời thư nhưng vẫn ngoan cố bảo thủ thấy biết của mình. Trấn Chi lại gửi thêm một lá nữa, vạch trần những điều ông ta phản bác Phật giáo, cứu xét tận tường căn nguyên, cho rằng Hoan chẳng những hòa đồng Đạo giáo, Lão giáo mà còn xúc phạm cả đến Thích-ca, Lý Đam. Những người đáng kính ấy lẽ đâu chỉ là trò cười! Thế nhưng phô diễn Đức Phật nhiều bao nhiêu, thì càng làm yếu chỉ tinh túy càng mờ mịt bấy nhiêu. Đó gọi là “chạy thì mất dấu, trốn thì mất hình” làm sao tránh khỏi được!

Kế đó ông liền lược nêu vài điểm cận yếu nhằm chỉ ra điểm kết quy chung. Ông viết:

Phàm Thái Cực chia chẻ, Lương Nghi vọng lập. Năm ấm hòa hợp mà có thân, hình hài thần thức đều không thật có. Thức do nhân ô nhiễm mà có, hình do duyên ái nhiễm mà sinh. Trước thời Tam Hoàng, dân chúng phần nhiều ngu dốt. Chỉ bọn ngu dốt thì chỉ biết ăn lông ở lỗ, uống máu mặc lông thú. Đạo vua tôi, cha con có gì hơn đâu, chẳng khác cầm thú, có thể sánh như trẻ con chẳng nhận thức được gì cả. Khi ấy đạo giáo chưa dạy dỗ họ, nhân nghĩa chưa thay đổi được họ. Đến khi họ bị chết chìm trong dòng thác đục lạt, tay chạm được bờ mới mong muốn được cứu vớt. Mong muốn được cứu vớt thì cầu việc lành, cầu việc lành thì Thánh ứng hiện, mà Thánh là cái gì? Đó là những người cảm vật mà đến. Đến mà chẳng tự đến, cảm mà chẳng tự cảm. Thường ở đây mà đến nơi kia. Đến nơi kia thì như gương sáng treo trên nhà cao, ở nơi này thì vạn tượng đồng quy y. Nên biết, Thiên Trúc là đất nước ở chính giữa Ta-bà, là nơi hội tụ những điều an lành, thuần thiện, nên hay chiêu cảm Chư Thánh Giáng Thế. Trung thổ nằm trong Đại thiên, Thánh ứng nơi ấy thì thanh danh chấn động ở đây. Hãy nhìn ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, làm sao lìa khoảng không gian ấy mà nghe được tiếng sấm sét? Việc gì phải ra đồng hoang nghe? Thế nên vật có cao thấp nhưng chẳng ngại cùng đường. Lương nghi, tả hữu chẳng hại đến Thiên quân. Chẳng hại đến Thiên quân thì mây trùm cả giáo pháp, chẳng ngại cùng đường thì mưa tràn Di Hạ.

Đạo thì một mà hình thì hai. Đạo là chân mà hình là tục. Chân dù là một nhưng tục cũng vẫn là hai. Tận diệt cái hai để được cái một nhằm thích nghi với một pháp đó. Diệt Tục quy Chân tất trái với Tục. Vì vậy Như Lai đặt ra quỹ phạm, khéo lập khuôn phép đồng với phong tục. Giả

sử Khổng, Lão là Phật thì phải thao lược ngấm dần, vứt bỏ cái tâm hẹp hòi mà trồng nhân lập nghĩa, để gần gũi và thuận với lòng người. Do đó bảo toàn hình hài giữ việc tế tự thì ơn dội khắp lục thân. Độ sinh dưỡng tánh, tự ngã vượt ngoài muôn sự thì đó là tận thiện nhưng chưa phải tận mỹ, bởi vì còn đặt ra bến bờ, chưa thúc đẩy người sau, thì làm sao đem đạo sánh với Bồ-đề, đem thánh so với Thích-ca được!

Hơn nữa chỉ bày rõ ràng, thiết yếu mà lại rộng lớn. Thiết yếu mà hay rộng lớn thì có tinh có thô, có tinh có thô thì cương nhu là một. Thế nên bến bờ u huyền thật ra dễ thấy. Cứ theo đó thì người dùng trí mà chuyển thì dễ, kẻ dùng tay mà vận thì khó, lẽ đâu không bỏ cái khó để theo cái dễ chẳng?

Kinh tịch của Đạo gia đơn giản cạn cợt, phần nhiều mang tính xuyên tạc, đến như Linh Bảo Diệu Chân vốn rút tĩa nghĩa lý từ Pháp Hoa rồi khéo léo đẽo gọt lại; như Thượng Thanh, Hoàng Đình chỉ chú trọng đến ăn uống, như nuốt lá uống sương, chỉ có bọn đạo giáo thực hành còn ngoài ra chẳng ai thấy có hiệu nghiệm. Đạo cũng thật khó đồng. Trong đó kinh dài nhất cũng chỉ đến năm ngàn lời, toàn không dùng được hoặc dùng trong cái vô vi, dùng trong cái vô vi cũng không khỏi trái với hữu vi. Đã trái với hữu vi thì ôm Linh chi để nuôi dưỡng cái gì?

Nhà Phật đưa ra Tam thừa, Chín phái đều tiếp nhận: Chín phái cùng tiếp nhận thì động tĩnh có cả ở đây. Lý của Thiên Tông là một trong Tam thừa, chứ chưa phải là lý tối cực. Kinh nói về Thiên rất vi diệu mà cảnh giới lại sâu xa tinh vi, theo đây mà tìm về lý Chân vẫn còn chưa tìm đến được. Nay nói: Đạo vốn ở chỗ “vô vi đặc nhất” mà thôi, nếu vô vi đặc nhất thì tức là bỏ những điều thích hợp từ ngàn năm, mà bỏ những điều thích hợp từ ngàn năm thì chẳng cần phải hô hào làm gì. Hễ những người thấy rõ mục đích hội nhập hay những người đạt đạo, phong lưu, nếu bỏ cái học tinh vi này chẳng phải là giải đãi đó sao! Lẽ đâu đó là cái “nơm” của Đạo giáo?

Tôi kính tìm những lời biện giải, nếu người không hiểu Phật thì cũng sẽ không hiểu được đạo.

Phản Loạn có một bài thơ nhờ Hoan đối đáp. Loạn viết:

*Vận qua chừ sáng bưng bưng  
Huyền thánh chừ mờ thăm thẳm  
Đêm dài chừ mang mang  
Ngàn sao chừ lấp lánh  
Mặt trời sáng chừ soi cao*



*Đêm dài tối chừ tiêu tán  
 Phàm trực xe trừ khác gổ  
 Buông níu dây chừ một việc  
 Nếu cứ mê chừ chẳng tỏ  
 Tăng thượng mạn chừ chạy xa  
 Giận xót xa chừ rồi bời  
 Quá thiên trọng chừ đau khổ  
 Giỏi thi thố chừ tranh luận  
 Ai trách ai chừ trí tuệ.*

Bấy giờ lại có Chu Thường Thị Chiêu Chi, Nhân Hà Trấn Chi gửi thư, liền viết từ chương cật vấn Di hạ luận, nhưng Chu viết nhiều hơn và lấy tên là Tư Di Hạ luận, lý giải từng câu từng chữ nhằm đả phá sự nhầm lẫn của Cố Hoan. Chu Ngung, Cao Tăng Tuệ Thông ở Nhữ Nam cũng viết nhằm phản bác Di Hạ luận. Tác phẩm của Hoan cuối cùng không tránh khỏi sai lầm.

Lại có Pháp sư Thiệu Chánh viết Nhị giáo luận đả phá, đại khái nói: “Phật thông suốt cội nguồn, đạo bảo tồn sự sống. Người ôm giữ sự sống thì ngưng trệ, người thấu tỏ cội nguồn thì thông suốt”.

Nay đạo giáo nói: “Trường sinh bất tử”, nói “Bổ thiên tào”. Kỳ thực trái với ý chỉ mà Lão, Trang lập ngôn.

### **43. Mạnh Cảnh Dực viết Chánh Nhất Luận:**

Thái tử Văn Tuệ và Cách Lăng vương tử Lương đều rất hâm mộ Phật pháp. Cách Lăng viết Tịnh Trụ Tử gồm bốn bộ hai mươi quyển để xiển Dương Phật giáo. Bấy giờ có Đạo sĩ Ngô Hưng, Mạnh Cảnh Dực là những người có tiếng tăm. Thái tử bèn triệu họ vào cung, lúc đó chúng Tăng đến dự rất đông. Tử Lương bảo Cảnh Dực lạy Phật, Cảnh Dực không lạy. Tử Lương lại đưa cho Cảnh Dực cuốn kinh Thập Địa để học, nhân đó Dực bèn viết Chánh Nhất luận.

Đại loại nói: “Phật dùng một âm diễn nói pháp, Lão Tử bao quát chữ một này làm khuôn phép cho thiên hạ. Chữ một này vô cùng mẫu nhiệm nó rộng rang sâu kín dứt tuyệt những gì có cảnh, nó biến hóa linh diệu, ứng hợp với cái vô cùng. Nó là vạn vật nhưng lại vô vi, ở trong số một nhưng chẳng phải số. Chẳng ai gọi tên nó được, mà chỉ gượng gọi là một. Đối với Phật là thật tướng, đối với đạo là Huyền Tần. Đại tượng của đạo chính là Pháp thân của Phật, dùng cái giữ không giữ đó mà giữ Pháp thân, lấy cái chấp vô chấp ấy mà chấp đại tượng. Vật có tám mươi bốn ngàn cách chuyển hóa, tức là tám mươi bốn ngàn pháp mà Phật nói,

pháp đạt đến vô cùng, chuyển hóa cũng đạt đến vô ương. Thêm bậc thì tùy duyên nhưng đạo quy về một. Quy về một tức là hồi hướng, hướng về chánh tức không còn tà. Cái thấy biết xằng bậy mà hết thì ức điều thiện ngày một tăng. Ba, năm, bốn, sáu tùy cái dụng của nó mà thi thiết. Nó đứng riêng không thay đổi, dứt sở học không còn âu lo. Thánh hiền nhiều kiếp xưa nay đều đi theo cái một này. Lão Thính chưa hẳn ở trong cái thường chia chẻ. Kẻ mê tự phân chia mà chưa thể hội nhập lại được. Tu khắp ức điều thiện, hễ tu khắp như vậy thì thành Thánh. Dù có mười hiệu hay ngàn danh xưng thì rốt cuộc cũng không thể tận cùng được. Không thể cùng tận thì lẽ đâu suy nghĩ luận bàn được ư?”

#### **44. Trương Dung trước tác Môn Luật:**

Tư đồ trung lang Trương Dung trước tác môn Luật, nói: “Đạo và Phật khế hợp không hai. Tôi thấy đạo sĩ và đạo nhân của Đạo giáo và Mặc gia kích bác nhau, thường hay biện luận thị phi với nhau. Xưa có con chim hồng bay ngang trời cao, do bay quá cao nên khó thấy rõ. Người nước Việt cho là con Le, người nước Sở thì cho là con Ất. Con người tự có Việt có Sở, còn chim Hồng chỉ là một mà thôi”.

Viết xong, Dung gửi đến cho Chu Ngung ở Nhữ Nam, Ngung liền vấn nạn: “Hư vô pháp tánh, tính vắng lặng của nó tuy đồng, nhưng cách thức để đạt đến vắng lặng có thì sai biệt”. Ông cho rằng “khế hợp không hai.” Là khế hợp với hư vô hay là không hai với pháp tánh. Theo như túc hạ thấy thì vốn chỉ là một vật, nhưng đó lại là Hồng ất. Nếu cứ chạy theo Phật, Đạo, tất không vượt khỏi nhị biên, chưa biết kiến thức cao xa dựa vào đâu mà biết được nguồn gốc, lại cứ xem thường làm theo, như vậy mà cho là hay chăng?

**Luận rằng:** “Từ đời Hán, sử quan Phạm Hoa chỉ luận sơ lược họ Thích qua Tây Vực truyện. Còn như Tam quốc Chí của Trần Thọ thì vẫn để nguyên không luận bàn gì đến. Trong Tấn thư, Đường Thái Tông ghi chép vô số những hành trạng thần dị của Sa-môn nhưng chưa từng có một lời phỉ báng Phật, huống gì Phật giáo hoằng hóa từ Tấn đến Nam Bắc triều mới đại thịnh trong thiên hạ. Tài giỏi thay!” Ngụy thư do Lý Diên Thọ soạn. Đế vương công khanh đương thời những người phụng trì Phật pháp chưa từng kiêng kỵ mà không chép. Tuy chép nhưng chưa ai từng lấy con người để so sánh với Phật. Đến khi Cố Hoan viết luận thì công khanh thời ấy phê bình luận nghị hai giáo mà kể tội của Hoan.

Họ nói: “Hoan tuy hòa đồng hai tôn giáo nhưng kỳ thật vẫn thiên lệch về Đạo giáo”.

Than ôi! Đúng gọi là bộ sử hay! Thấp kém thay! Hai bộ luận của Cố Hoan, Cảnh Dực chẳng khác nào ngày xưa có người lấy của báu trong hang đá chim yến, ai tin rằng trong đó có ngọc thật.

**45. Ngụy xuống chiếu độ Tăng Ni:** (Nhâm Thân).

Nguyên Ngụy, Thái Hòa thứ mười sáu, vua hạ chiếu rằng: “Cứ mồng tám tháng tư và ngày mười lăm tháng bảy hàng năm, cho phép châu lớn là một trăm người xuất gia làm Tăng Ni, châu vừa là năm mươi người, châu nhỏ là hai mươi người. Quan lại phải ghi chép lệnh chế này làm thông lệ hàng năm.

Tế tự Khổng Tử ở Trung Thư Tỉnh.

Giáp Tuất: Uất Lâm Vương tên là Chiếu Nghiệp, là con trưởng của Văn Tuệ, cháu của Vũ Đế, ông lên ngôi đổi niên hiệu là Long Xương.

Ban đầu, vua dâm loạn bạo ngược, Loan bèn giết vua rồi lập con của Thái tử là Chiên Văn. Chiên Văn lên ngôi đổi niên hiệu là Diên Hưng. Nhưng Văn cũng xa xỉ vô độ, chỉ trong mấy tháng đã tiêu sạch tiền của mà tiên quân tích trữ. Bấy giờ Tây Xương Hầu Loan theo lệnh của Thái hậu phế Văn rồi tự lập.

Minh đế: Tên là Loan, tự là Cảnh Thê, anh của Thái tổ, con của An Trinh Vương Đạo. Thuở nhỏ có tự là Huyền Khánh, tính ông hay đổ ky, thích bói kiết hung lợi hại. Ông lên ngôi đổi niên hiệu là Kiến Vũ, mất ở điện Chánh Phước, thọ bốn mươi bảy tuổi, trị vì được năm năm. Sau đó lập Thái tử Bảo Quyển lên làm vua.

Bính Tý: Ngụy đổi họ Nguyên.

Mậu Dần: Đổi niên hiệu là Vĩnh Thái.

**46. Đông Hôn Hầu:** (Kỷ Mão)

Tên là Bảo Quyển, tự là Chánh Nghiêm, con thứ của Minh Đế. Từ khi lên ngôi, chẳng giao tiếp với quần thần, chỉ ăn chơi trác táng ở hậu cung. Chỉ trong một năm tiêu sạch cả quốc khố. Giá cả trong nước tăng gấp bội, người ta mua bán trao đổi bằng vàng. Ông cùng người phi họ Phan đúc hoa sen bằng vàng để lót đường khi đi. Hòa đế giết ông ở Chế châu, lại sai Tiêu Diễn đem binh đánh phạt, phế ông xuống làm Đông Hôn Hầu. Ông lên ngôi đổi niên hiệu là Vĩnh Nguyên, thọ mười chín tuổi, trị vì được hai năm.

Canh Thìn: Nguyên Ngụy: Tuyên Vũ tên là Kháp con thứ năm của Hiếu Văn Đế. Ông lên ngôi đổi niên hiệu là Cảnh Minh, bản tánh

rất mến mộ Phật pháp. Ông mất và được an táng ở lăng Cảnh Bình, trị vì được mười sáu năm.

**47. Trần Hiến Minh trước tác bộ Hư Kinh:**

Đạo sĩ Trần Hiến Minh vọng tạo Đạo Chân Bộ Hư Phẩm kinh gồm sáu mươi bốn thiên (trính từ Châu Lâm).

**48 Hòa Đế: (Tân Ty).**

Tên là Bảo Dung, tự là Trí Chiêu, con thứ tám của vua Minh Đế. Tiêu Diễm nghênh đón rồi lập ông ở Giang Lăng. Ông lên ngôi đổi niên hiệu là Trung Hưng. Tháng ba năm sau truyền ngôi cho nhà Lương. Lương Vũ Đế đưa ông xuống làm Ba Lăng Vương. Ông mất năm mười lăm tuổi, trị vì được một năm.

Tề Cao Đế Tiêu Đạo Thành nhận ngôi từ nhà Tống vào tháng tư niên hiệu Thăng Minh thứ hai, truyền xuống được bảy đời vua, trị vì tổng cộng hai mươi bốn năm. Kể viết người dịch kể kể cả Đạo, Tục, Hoa, Nhung là hai mươi người. Kinh, Luật, Luận, truyện, lục... gồm bốn mươi bảy bộ, tổng cộng ba trăm năm mươi quyển.

**49. Luật tạng của Tăng-già Bạt-đà-la:**

Tương truyền rằng, sau khi Phật nhập Niết-bàn, Tôn giả Ưu-ba-ly liền kết tập luật tạng. Vào ngày rằm tháng bảy năm đó (năm Phật Niết-bàn). Sau khi chúng Tăng tự tứ xong, ngài dùng hương hoa cúng dường Luật tạng. Rồi chấm một chấm ở phía trước Luật tạng. Về sau, hằng năm chúng Thánh đều chấm một chấm.

Khi Tôn giả Ưu-ba-ly sắp nhập diệt, ngài truyền cho đệ tử là Đà tả câu. Đà tả câu truyền cho đệ tử là Tu câu. Tu câu truyền cho đệ tử là Tất Già bà. Tất Già Bà truyền cho đệ tử là Mục-kiền-liên Tử Đế tu. Đế tu truyền cho đệ tử là Chiên đà bạt xà. Cứ như thế thầy trò truyền cho nhau đến Pháp sư Tam Tạng. Pháp sư đem Luật tạng này đến Quảng châu, rồi theo thuyền trở về lại Thiên Trúc. Bấy giờ, Pháp sư đem luật tạng này truyền cho đệ tử là Tăng-già Bạt-đà-la.

Vào niên hiệu Vĩnh Minh thứ sáu, ngài cùng Sa-môn Tăng Y dịch Luật tạng này thành Thiện kiến Tỳ-bà-sa gồm một bộ mười tám quyển tại chùa Trúc lâm, Quảng châu. Ngày rằm tháng bảy năm thứ bảy (Canh Ngọ), sau khi tự tứ xong, ngài cũng làm như Pháp sư thuở trước, dùng hương hoa cúng dường luật tạng xong và chấm một chấm. Vào năm đó tính tổng cộng được chín trăm bảy mươi lăm chấm, mỗi chấm tượng

trưng cho một năm.

Đến niên hiệu Lương Đại đồng năm đầu, ẩn sĩ Triệu Bá Hưu ở trên Lô sơn gặp Luật sư khổ hạnh Hoàng Độ và được bộ Điển ký năm tháng này. Nhân đó Bá Hưu hỏi Hoàng Độ: Từ Vĩnh Minh thứ bảy về sau, tại sao không thấy chấm tiếp?

Hoàng Độ đáp: Từ Vĩnh Minh thứ bảy về trước đều là Thánh hiền đắc đạo tự tay chấm. Độ tôi là phàm phu chỉ nên phụng trì mà thôi, vì vậy không chấm nữa.

Nhân đó Bá Hưu căn cứ số chấm trong ấn tích đến niên hiệu Đại Đồng năm đầu, công được một ngàn không trăm hai mươi năm.

Ngày nay đem bộ luật này so sánh với những truyện ký của các học giả thì năm sinh năm diệt của Thế Tôn vốn không thống nhất. Đại loại là vì sông núi Tây Vực quá rộng, quốc độ lại nhiều, Phật giáo hóa cùng khắp, cho nên mỗi nơi có cách tính riêng. Đây là một trong những thuyết về niên đại của Phật, không thể bỏ được nên tôi phụ lục ở đây.

Triều đại nhà Tề gồm bảy đời vua, trị vì được hai mươi bốn năm rồi truyền ngôi cho nhà Lương.